

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel;

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng kính mời Quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

1. **Thời gian Tổ chức đại hội:** 8h30 ngày 10/4/2025 (tiếp đón cổ đông từ 8h00)

2. **Địa điểm:** Hội trường Công ty.

Km 9, Đường Võ Nguyên Giáp, P. Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, TP.HCM.

3. **Nội dung đại hội:**

Tài liệu nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2025 được Công ty đăng tải, cập nhật (nếu có) tại website: www.thepthuduc.com.vn từ ngày 20/3/2025 và được cập nhật liên tục cho tới ngày Đại hội cũng như gửi bản in đến Quý Cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. **Đăng ký dự họp:**

Để chuẩn bị cơ sở vật chất đón tiếp Đại biểu, Quý Cổ đông vui lòng *Đăng ký dự Đại hội* tại Phòng Tổ chức Hành chính hoặc gửi *Giấy đăng ký tham dự Đại hội* về địa chỉ Công ty trước ngày **04/4/2025**.

5. **Ủy quyền tham dự đại hội:**

Nếu Quý Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, Quý Cổ đông vui lòng điền vào mẫu *Giấy ủy quyền dự Đại hội (hoặc theo quy định của Bộ luật dân sự)* và gửi Giấy ủy quyền đã ký về địa chỉ dưới đây trước ngày **04/4/2025** hoặc xuất trình khi Người nhận ủy quyền đến dự Đại hội.

(Lưu ý: Giấy ủy quyền phải là bản chính, có chữ ký sống. Trường hợp nhận ủy quyền từ cổ đông tổ chức thì cần có dấu của tổ chức ủy quyền)

6. **Địa chỉ gửi văn bản và liên hệ hỗ trợ:**

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (Phòng Tổ chức Hành chính).

- Địa chỉ: Km 9, Đường Võ Nguyên Giáp, P. Trường Thọ, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: (028) 3896 9612 - Fax: (028) 3731 0154

Liên hệ: Ông Mạc Như Nghi mobile: 0989.007308

Bà Phạm Võ Kim Trang mobile: 0968.342178

Cổ đông hoặc người nhận ủy quyền đến dự Đại hội vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp và Giấy ủy quyền (Nếu có);

- Thẻ CCCD/Hộ chiếu hoặc bản sao hợp lệ Giấy CNĐKDN của tổ chức.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÉP THỦ ĐỨC
- VNSTEEL
Dương Minh Chính





CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Địa chỉ: Km 9, Võ Nguyên Giáp, P.Trường Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
ĐT: (028) 3896 9612 Fax: (028) 3731 0154 Website www.thepthuduc.com.vn

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ HỌP HOẶC ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi: Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Tên cổ đông:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
CMND/HC/TCC/GCNĐKDN số: cấp ngày nơi cấp
Địa chỉ: Điện thoại
Tổng số cổ phần đại diện hoặc/và sở hữu: cổ phần.
(Cổ đông chọn một trong hai mục dưới đây, đánh dấu vào ô thích hợp)

- 1. ĐĂNG KÝ DỰ HỌP
- 2. ỦY QUYỀN CHO ÔNG/BÀ DƯỚI ĐÂY

Ông/Bà:
CMND/HC/TCC/GCNĐKDN số: cấp ngày nơi cấp
Địa chỉ: Điện thoại
Số lượng cổ phần ủy quyền:

Nội dung ủy quyền:

Bên nhận ủy quyền đại diện cho Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel để thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật, quy định của điều lệ Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel và không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

Lưu ý:

Người được ủy quyền chỉ thực hiện những công việc trong phạm vi ủy quyền và phải mang theo Giấy CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân/chứng thực cá nhân hợp pháp khác khi đi dự họp.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị khi có chữ ký của cả hai bên ủy quyền và nhận ủy quyền. Trong trường hợp người ủy quyền là cổ đông tổ chức thì cần có thêm dấu hợp lệ của tổ chức ủy quyền. Trường hợp ủy quyền cho HĐQT CTCP Thép Thủ Đức - Vnsteel thì không cần chữ ký của Thành viên HĐQT. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của CTCP Thép Thủ Đức - Vnsteel kết thúc.

Cổ đông đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội có thể gửi trực tiếp tại Công ty hoặc gửi thư qua đường bưu điện hoặc fax trước về Công ty.

Cổ đông/Bên ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

....., ngày tháng năm 2025

Bên nhận ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Bắt đầu lúc 8h30 ngày 10 tháng 4 năm 2025)

Thời gian	Nội dung	Chủ trì
8h00 – 8h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử, Tài liệu Đại hội ...	Ban tổ chức
8h30 – 8h45	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội; - Chào cờ, tuyên bố lý do giới thiệu đại biểu; - Giới thiệu và Thông qua Đoàn chủ tịch; Ban kiểm phiếu - Giới thiệu Ban thư ký Đại hội.	TB kiểm soát Ban tổ chức
8h45 – 9h00	- Thông qua Quy chế làm việc; - Thông qua chương trình Đại hội.	Ban tổ chức
9h00 – 9h40	Các báo cáo tại Đại hội: - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; - Báo cáo Tổng kết SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025; - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát năm 2024; - Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.	Đoàn chủ tịch Trưởng BKS
9h40 – 10h00	Nội dung tờ trình: - Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024; - Tờ trình về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; - Tờ trình về kế hoạch đầu tư năm 2025; - Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2024 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025; - Tờ trình về quyết toán chế độ thù lao HĐQT - BKS năm 2024; - Tờ trình về kế hoạch thù lao HĐQT - BKS năm 2025; - Tờ trình về kế hoạch tiền lương năm 2025; - Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán 2025; - Tờ trình về giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 51% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên; - Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung TV.HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028.	Đoàn chủ tịch
10h00 – 10h20	Đại hội thảo luận các nội dung, giải đáp của HĐQT	Đoàn chủ tịch
10h20 – 10h30	Bỏ phiếu thông qua các báo cáo và các tờ trình - Ban bầu cử làm việc	Cổ đông bỏ phiếu
10h30 – 10h50	Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 - Thông qua quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử; - Hướng dẫn bầu cử; - Bỏ phiếu bầu cử,	Ban bầu cử Cổ đông
10h50 – 11h00	Đọc kết quả kiểm phiếu biểu quyết các báo cáo và các tờ trình	Ban bầu cử
11h00 – 11h20	Kiểm phiếu bầu cử: Ban bầu cử làm việc	Ban bầu cử
	- Phát biểu của lãnh đạo Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP (cổ đông lớn) - Phát biểu của lãnh đạo Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.	TCT Đoàn chủ tịch
11h20 – 11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử Tặng hoa cảm ơn TV.HĐQT hết nhiệm kỳ	Ban bầu cử Đoàn chủ tịch
11h30 – 11h40	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Tuyên bố bế mạc Đại hội;	Đoàn chủ tịch/ Ban Thư ký

Dự thảo

QUY CHẾ LÀM VIỆC

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel, ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- | | | |
|-----------|---|--|
| - Công ty | : | Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel |
| - HĐQT | : | Hội đồng quản trị |
| - BKS | : | Ban kiểm soát |
| - BTC | : | Ban tổ chức Đại hội |

- ĐHĐCĐ/Đại hội : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (*người được ủy quyền*)

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 5. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

- Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 10/03/2025 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân ... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền tham dự Đại hội cho

người thứ ba tham dự Đại hội.

- Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 8. Chủ tọa và Đoàn chủ tịch

- Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa ĐHĐCĐ. Chủ tọa điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch: Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc

tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội:

1. Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.
3. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

Điều 10. Ban thẩm tra tư cách đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu
Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 11. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Các ứng cử viên tham gia ứng cử, đề cử (trong trường hợp thực hiện bầu cử) không được tham gia vào ban kiểm phiếu.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

Điều 12. Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

Điều 13. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình để Đại hội thông qua.

- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban Kiểm phiếu; Quy chế làm việc tại Đại hội; Chương trình Đại hội; Quy chế bầu cử tại Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
- Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; Báo cáo Tổng kết SXKD năm 2024, kế hoạch SXKD năm 2025, Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm tra, giám sát năm 2024; Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu

giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/ Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết.
- Phiếu biểu quyết không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là không hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn từ hai (02) trở lên trong ba (03) ô vuông biểu quyết.
- Nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 10/03/2025) tổng số cổ phần của Công ty là: 12.225.393 cổ phần tương đương với 12.225.393 quyền biểu quyết.

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông

sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

- o Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- o Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết/bầu cử tại ĐHĐCĐ.

Điều 14. Bầu cử HĐQT

Việc bầu cử bổ sung thành viên HĐQT phải được thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại Đại hội.

Điều 15. Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Tất cả các nội dung tại ĐHĐCĐ phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 16. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - o Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - o Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.



Dương Minh Chính



Dự thảo

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Nhiệm kỳ 2023 – 2028)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL, ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng bầu bổ sung làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT cần bầu : 01 người
2. Số lượng ứng viên thành viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
3. Nhiệm kỳ HĐQT : 2023 – 2028
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị.
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị.

V. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết (tính tới thời điểm chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2025) có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Số lượng ứng viên mà cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền đề cử thực hiện như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa năm (07) ứng viên;

VI. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT

1. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT.

- Văn bản ứng cử, đề cử ứng viên tham gia HĐQT (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản sao các giấy tờ sau: thẻ căn cước/hộ chiếu/hộ khẩu thường trú;
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền hoặc biên bản họp nhóm cổ đông (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử);

Người đề cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Các mẫu trên được đăng website: www.thepthuduc.com.vn (Mục: TT CỔ ĐÔNG).

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng cử viên vui lòng gửi hồ sơ về trước 17h ngày 04/4/2025.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Địa chỉ: Km9, Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, TP.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: 0283.8969612 Fax: 0283. 7313050

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ về cho thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Ban tổ chức đã lập Danh sách đề cử để bầu bổ sung thành viên HĐQT.
- Danh sách ứng cử viên bầu bổ sung thành viên HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp).
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu bổ sung của HĐQT.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ.

IX. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu Hội đồng quản trị. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên HĐQT cần bầu.
- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - + Gạch tên các ứng cử viên;
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số ứng viên cần bầu;
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
 - + Không có chữ ký, không ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Trường hợp đại biểu bỏ phiếu từ xa: cổ đông thực hiện gửi Phiếu bầu cử về theo quy định tại quy chế làm việc. Phiếu bầu cử của các cổ đông bỏ phiếu từ xa sẽ được bỏ vào thùng phiếu và sẽ được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Phiếu bầu cử được phát tại Đại hội theo quy định tại quy chế này. Trường hợp phát sinh thêm ứng viên thì Đại hội bỏ phiếu từ xa coi như không bỏ phiếu cho ứng viên đó.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần 1 không đủ số HĐQT thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

X. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được ĐHĐCĐ thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty nhiệm kỳ (2023 – 2028) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu: VT, HĐQT.

TP. HCM, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính



Số: 137/BC - VKC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024
KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2025

PHẦN I
SƠ KẾT THỰC HIỆN CÔNG TÁC SXKD NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Tình hình thế giới:

Đầu năm giá cả nguyên liệu cho sản xuất thép như quặng, sắt thép vụn, phôi thép, thép thành phẩm ... có chiều hướng tăng và tăng đến hết tháng 2, sau đó giá giảm liên tục đến cuối Quý 3, từ đầu Quý 4 giá thép thế giới có xu hướng lên do Trung Quốc có nhiều chính sách thúc đẩy kinh tế vĩ mô nhưng sang tháng 11 giá lại đi xuống đến cuối năm. Nhìn chung nhu cầu thị trường vẫn yếu chưa phục hồi như kỳ vọng, nguyên nhân là do nền Kinh tế Trung Quốc phục hồi chậm; bất ổn chính trị, xung đột vũ trang xảy ra nhiều nơi trên thế giới; đặc biệt chiến tranh quân sự giữa Nga và Ucraina, xung đột Trung Đông, Triều Tiên ... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế thế giới.

Tình hình thị trường thép trong nước:

Đầu năm 2024 thị trường trong nước tiêu thụ chậm, sức mua yếu do nhu cầu thấp vì có tết dương lịch và tết cổ truyền. Tuy nhiên do giá cả vật tư nguyên vật liệu tăng liên tục cho nên các nhà sản xuất đã điều chỉnh tăng giá thép thành phẩm (trong tháng 1 Thép /V/ điều chỉnh tăng 2 lần vào các ngày 09/01, 24/01 tuy nhiên lượng thép hấp thụ vào công trình thấp vì nhu cầu thực chưa có). Từ tháng 3 đến cuối quý 3 giá thép giảm 6 - 7 nhịp tùy chủng loại, đầu Quý 4 giá thép có xu hướng lên nhưng tháng 11 & tháng 12 giá lại xuống theo giá thế giới; Các nhà sản xuất tìm mọi giải pháp để đẩy mạnh luân chuyển hàng tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và điều tiết giảm sản lượng sản xuất.

Giá phôi tháng 1 tăng mạnh giao dịch khoảng 13.400 - 13.600 đ/kg, tháng 2 giữ ổn định, từ tháng 3 giảm mạnh; phôi Trung tần giao dịch cuối quý 3 khoảng 11.700 đ/kg. Sang Quý 4 giá phôi tăng trở lại tuy nhiên tháng 12 giá phôi giảm hiện giao dịch tháng 12/2024 khoảng 12.100 đ/kg.

Giá thép /V/ tháng 3 giao dịch khoảng 14.500 đ/kg đến cuối quý 3 giao dịch còn khoảng 13.700 đ/kg tùy chủng loại, sang Quý 4 giá thép đã tăng 2 nhịp trong tháng 10 lên khoảng 14.100 đ/kg và tháng 12 lại giảm 250 đ/kg hiện nay giao dịch khoảng 13.850 đ/kg.

Nhìn chung thị trường trong nước năm 2024 rất khó khăn do nhu cầu thấp, sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất trong nước cùng với hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Indonesia ...

Thuận lợi

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban chức năng của Tổng công ty.
- Công ty nằm trong khối sản xuất thương hiệu thép chữ /V/ - Vnsteel, là thương hiệu mạnh, có truyền thống uy tín trên thị trường.
- Đội ngũ CBCNV lao động Công ty có tay nghề cao và luôn đoàn kết, đồng lòng, tập trung mọi nguồn lực thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Khó khăn

- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung vẫn căng thẳng, bất ổn chính trị nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt chiến tranh quân sự Nga-Ucraina.
- Khó khăn lớn nhất là tình hình giá cả nguyên vật liệu và thép xây dựng trong những năm gần đây biến động lên xuống liên tục và không tuân theo quy luật. Thị trường bất động sản trầm lắng, đầu tư công thấp, xây dựng dân dụng thấp do kinh tế khó khăn.
- Công ty có trình độ công nghệ sản xuất lạc hậu, công suất nhỏ, tính cạnh tranh thấp và nằm trong diện phải di dời, mặt khác việc lập dự án cho công tác di dời chưa thực hiện được nên việc tồn tại để sản xuất là một vấn đề rất khó khăn hiện nay.

Tình hình Công ty:

Từ đầu năm đến cuối năm tiêu thụ chậm Công ty phải tiết giảm sản xuất (chỉ sản xuất ca đêm để tận dụng giá điện thấp) mặc dù đã tiêu thụ được phôi thép và cán gia công. Luyện thép sản xuất đủ ca đêm, Cán thép chỉ sản xuất ca đêm vẫn không sản xuất đủ tháng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2024

1. Kết quả sản xuất – kinh doanh năm 2024:

** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2024:*

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện năm 2024			So với năm 2023	
			Lũy kế thực hiện năm	% SS KH được giao	Ghi chú	Thực hiện năm 2023	% SS cùng kỳ 2023
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	100.000	107.468	107,5		90.380	118,9
	Trong đó gia công	-	3.158	-		7.325	43,1
	- Thép cán	80.000	83.074	103,8		82.322	100,9
	Trong đó gia công	-	13.641	-		7.804	147,8
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Thép cán	80.000	86.081	107,6		82.930	103,8
	Trong đó gia công	-	13.641	-		7.804	147,8
	- Phôi thép	20.000	36.263	181,3		21.512	168,6
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7,0	0,78	11,4		10,91	7,2
4	Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng)	21,43	19,652	91,7		18,002	109,2

** Chỉ tiêu về sản xuất và tiêu thụ thép cán tính cả hàng gia công*

Các chỉ tiêu về sản xuất (phôi thép, thép cán) năm 2024 đạt 103,8% - 107,5% kế hoạch năm, đạt 100,9% – 118,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Chỉ tiêu tiêu thụ chung tính cả gia công được 86.081 tấn đạt 107,6% so với kế hoạch năm và bằng 103,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Tiêu thụ Phôi thép được trên 36.263 tấn đạt 181,3% kế hoạch năm và bằng 168,6% so Cùng kỳ năm 2023.

** Chỉ tiêu về tài chính năm 2024:*

- Lợi nhuận: có lãi 0,78 tỷ đồng đạt 11,4% kế hoạch.

- Doanh thu: 1.496 tỷ đồng đạt 100,6% kế hoạch.

Thu nhập Bình quân của người lao động tăng 9,2% so với năm 2023.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, công tác trong năm 2024

a. Sản xuất

Trong năm 2024 chỉ tiêu về sản xuất thép thời đạt 107,5% kế hoạch năm 2024 bằng 118,9% so cùng kỳ năm 2023 (do năm 2023 bị hư máy biến thế 55 ngày) và năm 2024 tiêu thụ được trên 36.263 tấn thép thời do vậy sản lượng sản xuất tăng so với kế hoạch và tăng so cùng kỳ năm 2023.

Sản xuất thép cán đạt 103,8% so với kế hoạch năm 2024 và bằng 100,9% so với cùng kỳ năm 2023 (*tính cả sản lượng gia công*) do năm 2024 Công ty gia công được trên 13.641 tấn sản phẩm.

Tiêu thụ chung tính cả gia công được 86.081 tấn đạt 107,6% so với kế hoạch và bằng 103,8% so với cùng kỳ năm 2023. Tiêu thụ thấp do đầu tư công thấp, bất động sản đóng băng, suy thoái kinh tế, cạnh tranh mạnh trong nước và hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Indonesia ...)

b. Công tác kỹ thuật, môi trường, an toàn lao động.

Phát huy có hiệu quả tốt các công trình hạng mục đã được đầu tư năm 2023. Sửa chữa lớn thiết bị tại xưởng luyện, xưởng cán theo yêu cầu.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường được thực hiện tốt. Trong năm không có xảy ra tai nạn lao động.

Thực hiện tốt công tác BVMT, quy hoạch khu vực sửa xe và rửa xe cơ giới theo quy định.

Tổ chức học ATLĐ định kỳ, kiểm định thiết bị nghiêm ngặt về an toàn ...

Trong năm có 28 sáng kiến cải tiến kỹ thuật được công nhận, ước làm lợi cho Công ty 2,1 tỷ đồng, với tổng số tiền thưởng sáng kiến và hỗ trợ là 132 triệu đồng.

Tháng 8/2024 Công ty đã làm việc với TCT về công tác ATLĐ, vệ sinh bảo vệ môi trường và tham quan học tập đơn vị trong hệ thống.

Tháng 9/2024 Công ty đã làm việc với Cục phòng chống ô nhiễm của Bộ Tài nguyên Môi trường.

Tháng 11/2024 Công ty đã làm việc với đoàn Chi cục bảo vệ môi trường TP.HCM, Phòng Tài nguyên môi trường TP.Thủ Đức.

Chỉ tiêu KTKT năm 2024:

*** Năm 2024:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	ĐM BQ 2024	năm 2023	năm 2024	So sánh ĐM (%)	So sánh năm trước (%)
Phôi thép							
1	Điện năng tại lò (EAF + LF)	Kwh/T	565	562	556	98,4	98,9
2	Điện năng phụ trợ	Kwh/T	65	59	57	87,7	96,6
3	Phế liệu	T/T	1,130	1,133	1,139	100,8	100,5
4	FeSi	Kg/T	1,0	1,416	1,397	139,7	98,7
5	SiMn	Kg/T	7,0	6,441	7.026	100,4	109,1
6	Điện cực	Kg/T	2,0	2.082	1.997	99,8	95,9

Thép cán							
1	Tiêu hao phôi (t/hao thực tế)	T/T	1,030	1,025	1,028	99,8	100,3
2	Tiêu hao Gas	Sm ³ /T	18,4	30,46	30,46	165,5	100,0
	S/lượng lò gas	Tấn		26.606	8.275		
3	Điện lò nung	Kwh/T	120	113	120	100,0	106,2
	S/lượng lò điện	Tấn		57.716	74.828		
4	Điện máy cán	Kwh/t	115	114	117	101,7	102,6

c. Công tác đầu tư, sửa chữa lớn:

- Dự án chuẩn bị đầu tư nhóm B Thủ Đức có 1 dự án di dời công ty, dự án này vẫn đang nghiên cứu tìm kiếm địa điểm di dời để triển khai thực hiện. Với tình hình sản xuất khó khăn như hiện nay, trong năm 2024 Thép Thủ Đức chưa triển khai thực hiện việc nghiên cứu tìm kiếm địa điểm di dời.

- Các dự án đầu tư mới nhóm C:

+ Lắp Scada trạm 110KV Vikimco: do thiết bị của trạm 110KV sử dụng cách đây nhiều năm, công ty đã mời 2 đơn vị đến khảo sát báo giá thi công, nhưng đến nay họ chưa phản hồi.

+ Máy tiện vạn năng: Công ty tạm ngưng thực hiện do tình hình sản xuất khó khăn.

+ Chuyển đổi số quản lý văn phòng: Công ty sẽ cố gắng triển khai cùng với chương trình của Tổng Công ty.

- Công tác sửa chữa lớn:

+ Sửa chữa lớn lò nung gas, lò nung cảm ứng tại PXC.

+ Sửa chữa lớn hệ thống hút bụi PXL (đường ống, canopi, buồng túi vải v...).

d. Công tác chất lượng:

Công tác giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm được đẩy mạnh; hạn chế sản phẩm KPH ra thị trường, trong năm có 1 phản hồi của khách hàng về trọng lượng thép cán D10.

Chất lượng phôi thép sản xuất không ổn định đặc biệt phôi bán (có hiện tượng méo, cong, xỉ bề mặt ...) ở trong tháng 1/2024.

e. Công tác cán bộ:

Trong tháng 4 Công ty có thay đổi cán bộ lãnh đạo Tổng Giám đốc, Ông Hoàng Đức Hoa được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 15/4/2024.

Tháng 8 bổ nhiệm thêm 02 cán bộ gồm: 1 Phó Quản đốc PX luyện thép và 1 Phó Quản đốc PX Cán thép.

Trong tháng 9/2024 Công ty có thay đổi cán bộ quản lý, Kế toán trưởng xin nghỉ việc và bổ nhiệm Phó trưởng phòng phụ trách Phòng TCKT.

Trong tháng 10/2024 có 1 Phó phòng Kỹ thuật xin nghỉ việc.

+ Số lao động được đóng BHXH, BHYT: 259 (7 người lao động ngắn hạn).

+ Việc làm:

- Thực hiện tốt đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục đoàn viên và NLĐ, góp phần xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.
- Tổ chức tốt các phong trào thi đua và tham gia quản lý.
- Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn và đội ngũ cán bộ Công đoàn.
- Thực hiện tốt phong trào Văn - Thể - Mỹ.
- Công tác nữ công được thực hiện tốt.
- Thực hiện tốt công tác xã hội từ thiện.
- Công tác tự kiểm tra, kiểm tra của Công đoàn được thực hiện tốt, trong năm không có đơn thư khiếu nại tố cáo.

2. Đoàn thanh niên:

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng

100% cán bộ đoàn tham gia học tập, quán triệt nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Triển khai thực hiện quản lý thông tin bằng app Thanh niên Việt Nam, 100% đoàn viên đã khai thông tin trên app.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống được thực hiện tốt.

Phong trào sáng tạo trẻ

+ Năm 2024, Đoàn viên thanh niên đứng tên 4 đề tài sáng kiến, cải tiến kỹ thuật. Giá trị làm lợi ước 330 triệu đồng/năm.

+ Phần việc thanh niên: Làm móc treo nhãn bó thép, tiết giảm chi phí sản xuất (mỗi tháng giảm hơn 40% chi phí mua móc treo). Hỗ trợ chế tạo dầm/khung treo gạch, tham gia thiết kế phương án sửa chữa lò nung CNG.

+ Công trình thanh niên cấp Tổng Công ty: Sửa chữa Hội trường Công ty (hạng mục: Thi công hệ thống điện và chống thấm trần). Số ĐVTN tham gia 14 đồng chí. Giá trị công trình: 150 triệu đồng.

Phong trào thanh niên tình nguyện

Hỗ trợ công tác tổ chức các buổi lễ, đại hội tại công ty như: Họp mặt hưu trí, Quốc tế phụ nữ 8/3, Lễ trao quà cho công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn ...

Phát động phong trào hiến máu tình nguyện 2024, kết quả đạt 43 đơn vị máu.

Tham gia hội nghị Tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên 2023, giới thiệu 01 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và đã được kết nạp Đảng, tổ chức Đại hội các Chi đoàn nhiệm kỳ 2024 – 2027.

Phối hợp Đoàn Tổng công ty tổ chức giải chạy VNSTEEL RUN năm 2024.

Phối hợp công đoàn công ty mở câu lạc bộ bóng bàn cho CB.CNV Công ty tập luyện, giải trí.

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2024:

Do tình hình chung của kinh tế thế giới và trong nước cùng với bất động sản đóng băng, đầu tư công yếu, cạnh tranh mạnh trong nước và đặc biệt thép nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Indonesia vì vậy sản lượng tiêu thụ Thép trong năm 2024 thấp đạt **107,6% kế hoạch năm đặt ra** và bằng **103,8% so với cùng kỳ năm 2023** trong tình trạng chung của ngành.

1. Công ty bị lỗ 9 tháng đầu năm 9,6 tỷ đồng như sau:

a. Trong Quý 1:

Thực chất hoạt động SXKD của Công ty trong Quý 1 bị lỗ, do Công ty được hoàn nhập tiền phí thuê đất năm 2023 cho nên có lãi.

b. Trong Quý 2 & Quý 3: Hoạt động SXKD bị lỗ do các nguyên nhân sau

Nguyên nhân khách quan:

- Sản lượng tiêu thụ thấp, lợi nhuận biên không đủ gánh chi phí bán hàng và chi phí quản lý.

- Đơn giá lương điều chỉnh tăng theo kế hoạch giao, chi phí nhân công tăng.

- Tiền thuê đất năm 2024 là 12 tỷ/năm phải trích trước 1,0 tỷ/tháng.

- Đơn giá chi phí thương hiệu cao gấp gần 2 lần năm trước (76.000 đ/tấn).

Nguyên nhân chủ quan:

- Sự cố sập trần lò nung Gas ngày 17/03/2024 Công ty phải ngưng sửa chữa 2 tháng làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất, cụ thể (Phôi thép nhập về gia công cho Tây Đô phải để tồn kho, Công ty phải mua liệu về sản xuất sản phẩm giao cho Tây Đô).

+ Giá phôi tồn kho thời điểm 30/4 là **13.130 đ/kg** (trong khi giá thị trường tại thời điểm cùng chủng loại Thép Miền Nam đang mua **12.100 đ/kg**).

+ Lượng tồn kho phôi nhiều: 6.000 tấn (lỗ trên 6 tỷ so với giá thị trường).

- Hàng tồn kho (phế liệu bao gồm cả gang thời) giá cao.

+ Giá phế liệu tồn kho cao tại thời điểm 30/4/2024 là 9.250 đ/kg

+ Lượng tồn kho phế liệu: 6.000 tấn

- Thép Thành phẩm tồn kho giá cao:

+ Giá thành thép tồn kho tại thời điểm 30/4/2024: 14.140 đ/kg

+ Lượng tồn kho thành phẩm: 6.000 tấn

Việc giá thành tồn kho cao hơn giá thị trường đã dẫn tới kết quả kinh doanh

Quý 2 lỗ 6,5 tỷ đồng.

Quý 3 lỗ 6,6 tỷ đồng

c. Trong Quý 4: Lãi 10,4 tỷ đồng

Công ty đã tập trung thực hiện các biện pháp để khắc phục lỗ và kết quả thực hiện quý 4 cũng như cả năm 2024 đã được như trên (Công ty có lãi 0,78 tỷ đồng) cũng như đưa đơn giá hàng tồn kho về mặt bằng chung thị trường.

2. Công ty đã thực hiện quyết liệt nhiều biện pháp như:

- Luôn theo sát diễn biến giá thị trường để mua nguyên liệu đúng giá, đúng thời điểm, phù hợp nhu cầu.
- Kiểm soát chặt chẽ nguyên nguyên vật liệu đầu vào cả về giá và chất lượng.
- Phối hợp chặt chẽ với Thép Miền Nam và các đơn vị trong khối Thép /V/ để tăng sản lượng bán hàng.
- Tích cực làm việc với các đối tác để bán phôi và gia công để tăng sản lượng sản xuất, giảm giá thành.
- Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu Kinh tế kỹ thuật
- Kiểm soát tồn kho để giảm chi phí tài chính.
- Tăng cường công tác quản trị để tiết giảm các chi phí nhằm giảm giá thành.
- Cắt giảm các hạng mục đầu tư sửa chữa lớn chưa thật sự cần thiết để hoàn nhập giảm chi phí.

3. Kiến nghị:

Kính đề nghị Tổng Công ty tiếp tục hỗ trợ Thép Thủ Đức trong Công tác tiêu thụ sản phẩm cũng như cho Thép Thủ Đức tiếp tục được gia công sản phẩm thép cán cho Tây Đô để ổn định thu nhập cho người lao động và nâng cao hiệu quả trong SXKD (do Thép Thủ Đức không có sản phẩm riêng như Thép Góc Nhà Bè và Thép Kéo dây Vicasa).

PHẦN II

KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SXKD NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Tình hình thế giới: Thị trường thép thế giới tiếp tục chịu nhiều tác động phức tạp do các điều kiện kinh tế toàn cầu, xung đột chính trị, chính sách thương mại và các yếu tố cung cầu khác nhau...

Thị trường Trung quốc chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng do vậy năm 2025 các nhà sản xuất tại quốc gia này tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu trong đó có xuất sang Việt Nam.

Kinh tế trong nước: Kinh tế trong nước được dự đoán sẽ tăng trưởng mạnh khoảng 7,5 - 8,0% vì vậy là tín tích cực cho tiêu thụ thép xây dựng.

Thị trường thép trong nước: Giá nguyên liệu và phôi thép đầu năm 2025 có xu hướng ổn định; thị trường bất động sản vẫn gặp khó và được dự báo phục hồi nhẹ vào năm 2025, Chính phủ sẽ tập trung đẩy mạnh đầu tư công để về đích nhiệm kỳ Đại hội Đảng toàn quốc ... do vậy là tín hiệu lạc quan đến đầu ra cho thép xây dựng. Thị trường thép năm 2025 có nhiều thách thức và nhận định có khả quan hơn năm 2024; ngoài thép nhập khẩu về Việt Nam thì cạnh tranh mạnh giữa các nhà sản xuất trong nước đặc biệt là VAS, Hòa Phát.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025:

1. Sản xuất - kinh doanh.

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 cũng như các dự báo tình hình trong và ngoài nước.

Công ty CP Thép Thủ Đức - Vnsteel xây dựng kế hoạch dựa trên cơ sở phải được UBND.TPHCM chấp thuận cho Thép Thủ Đức được SXKD tại khu đất hiện hữu.

Do đó, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 đặt ra như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	Kế hoạch năm 2025	% SS với năm 2024
1	Sản xuất phôi thép	Tấn	90.380	107.468	140.000	130,3
2	Sản xuất thép cán	Tấn	82.322	83.074	95.000	114,3
3	Tiêu thụ thép cán	Tấn	82.930	86.081	95.000	110,3
	- Thép V	Tấn	75.126	72.440	-	-
	- Gia công	Tấn	7.804	13.641	-	-
4	Tiêu thụ phôi	Tấn	21.512	36.263	40.000	110,3
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	10,9	0,8	5,0	625,0

Về kế hoạch sản xuất thép xây dựng 95.000 tấn là theo kế hoạch tiêu thụ thép /V/ và năm 2025 dự báo vẫn gặp nhiều khó khăn. Kế hoạch sản xuất phôi thép 140.000 tấn tăng mạnh là để bán thối.

Về kế hoạch lợi nhuận xây dựng có Lợi nhuận 5,0 tỷ là do năm 2025 Công ty sẽ gặp khó khăn về tài chính (phải gánh chi phí lãi vay khoảng 6,9 tỷ đồng/năm), cũng như giá thuê đất năm 2025 được dự báo có khả năng tăng đây là rủi ro rất lớn (hiện giá thuê đất năm 2024 là 12 tỷ đồng/năm).

*** Kế hoạch SXKD Quý 1 năm 2025 như sau:**

- Sản xuất thép thỏi : 33.000 tấn
- Sản xuất thép cán : 23.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 23.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 7.500 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 1,5 tỷ đồng

+ Phối hợp với Thép Miền Nam nắm bắt tình hình thị trường, điều hành sản xuất linh hoạt đẩy mạnh việc tiêu thụ sản phẩm thép cán nội địa và xuất khẩu.

+ Giữ tồn kho nguyên vật liệu, sản phẩm hợp lý nhất để giảm chi phí tài chính.

+ Thu mua kết hợp các nguồn, các loại liệu hợp lý để có giá thành tối ưu.

+ Cân đối tiêu thụ thép thỏi (khi thị trường gặp khó khăn) để ổn định đời sống tạo việc làm cho người lao động.

2. Công tác kỹ thuật, công tác an toàn, đầu tư:

- Triển khai các hạng mục trọng tâm đã được duyệt, sửa chữa lớn thiết bị, nhà xưởng theo kế hoạch.

- **Đối với dự án di dời:** Báo cáo Tổng Công ty về kế hoạch di dời khi có yêu cầu.

- Tăng cường công tác an toàn trong sản xuất, tăng cường công tác quản lý máy móc thiết bị đặc biệt các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của luyện thép và cán thép.

- Thực hiện tốt công tác ATVSLĐ, BVMT.

- Hoàn thiện các thủ tục, chủ trương để được chấp thuận của các cấp các ngành cho gia hạn sản xuất tại khu đất hiện hữu (để được cấp giấy phép xả thải, cũng như được vay vốn ngân hàng ...).

3. Công tác tài chính.

- Hoàn thành quyết toán năm 2024, kiểm toán niên độ tài chính năm 2025 theo quy định.

- Chuẩn bị kế hoạch dòng tiền đảm bảo cho hoạt động SXKD của Công ty, kiểm soát tốt chi phí nhằm hạ giá thành sản phẩm; phân tích đánh giá các chỉ tiêu chi phí đầu vào, chi phí tài chính, hiệu quả trong SXKD.

- Chuẩn bị tài chính để cho kế hoạch đầu tư thường xuyên (dự án nhóm C) và SCL năm 2025 theo quy định.

- Thực hiện báo cáo tài chính hàng tháng, công bố thông tin đúng quy định. Thực hiện tốt công tác chuyên môn hàng tháng. Thực hiện các công tác để tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025.

- Chấp hành thực hiện các thủ tục cần thiết cho việc thực hiện vốn dự án nếu được duyệt.

4. Công tác quản lý CLSP.

- Tiếp tục quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường không để lọt sàng sản phẩm không phù hợp.

- Thực hiện đánh giá hợp quy, hợp chuẩn, đánh giá phòng thí nghiệm, đánh giá ISO 2015 theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm bên ngoài, kết hợp cùng phân xưởng cán thép kiểm soát tốt đóng bó sản phẩm.

5. Công tác cán bộ, lao động - đời sống:

- Công tác lao động, tiền lương: Dự báo tình hình hoạt động sản xuất năm 2025 chưa ổn định, kế hoạch tuyển lao động vẫn ưu tiên cho bộ phận sản xuất nhằm dự phòng lực lượng khi tình hình sản xuất có chuyển biến tích cực.

- Công tác chính sách chế độ: Giải quyết đầy đủ chính sách chế độ cho CB.CNV, Tổ chức tham quan nghỉ mát du lịch cho CB.CNV.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ người và tài sản của Công ty.

- Đào tạo: Tổ chức lớp đào tạo chuyên ngành cho CBCNV trong công.

PHẦN III ĐÁNH GIÁ CHUNG MỌI MẶT CÔNG TÁC

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu của Thép Thủ Đức năm 2024 về sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt vượt kế được giao và tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm 2023. Công ty đã phấn đấu nỗ lực tối đa và có lãi là bởi Ban lãnh đạo Công ty đã tập trung mọi nguồn lực huy động sự đoàn kết đồng lòng của đội ngũ CBCNV; có sự chỉ đạo của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP, và sự giúp đỡ hỗ trợ của Công ty Thép Miền Nam - Vnsteel trong công tác điều phối tiêu thụ sản phẩm.

Thép Thủ Đức đã thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty thép Việt Nam liên quan đến hoạt động SXKD của đơn vị ...

Việc chấp hành Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP đầu tư vào doanh nghiệp khác được chấp hành và thực hiện nghiêm túc như: Các biểu mẫu báo cáo được thực hiện đầy đủ nghiêm túc và đúng hạn.

Công ty cổ phần Thép Thủ Đức luôn tuân thủ và phối hợp tốt theo Nghị quyết 463 của Đảng ủy Tổng Công ty và Quyết định 357 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty nhằm đem lại hiệu quả lớn nhất cho thị phần chung cũng như lợi ích của các đơn vị sản xuất Thép /V/.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty (b/c);
- HĐQT, Ban TGD (để biết);
- Lưu: VT.



Hoàng Đức Hoa

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2024 như sau:

I. VỀ NHÂN SỰ

HĐQT Công ty trong năm 2024 gồm 5 thành viên như sau:

- Ông Dương Minh Chính – Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Tiến – Thành viên, Tổng Giám đốc
Miễn nhiệm ngày 15/4/2024
- Ông Hoàng Đức Hoa – Thành viên, Tổng Giám đốc
Bỏ nhiệm ngày 15/4/2024
- Ông Cao Anh Kiệt – Thành viên, Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Bá Phương – Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Mai Khanh – Thành viên HĐQT

Đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 bầu ngày 14/4/2023.

II. VỀ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024:

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua Nghị quyết, trong đó có phương hướng sản xuất kinh doanh và giao cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện triển khai Nghị quyết; Hội đồng quản trị đã xác định chiến lược, mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh và giao cho Tổng Giám đốc điều hành, triển khai thực hiện Nghị quyết từng quý.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị thực hiện tốt chức năng giám sát để đảm bảo kết quả đạt được từ công tác điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng mục tiêu, định hướng và kế hoạch đã đề ra. Đồng thời, HĐQT đã có chủ trương kịp thời giải quyết những vướng mắc khó khăn từ thực tế.

Trong năm 2024 gặp rất nhiều khó khăn các đơn vị SXKD thép dài trong Tổng Công ty đa phần lỗ nhưng HĐQT đã nỗ lực và chủ động đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm giảm chi phí đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cho cổ đông và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

Vốn điều lệ của Công ty: 122.253.930 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2024).

Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt được 0,78 tỷ, đạt 11,4% kế hoạch.

Một số chỉ tiêu và kết quả SXKD năm 2024 như sau:

T T	Sản phẩm	Kế hoạch năm 2024	Kết quả thực hiện năm 2024			So với năm 2023	
			Lũy kế thực hiện năm	% SS KH được giao	Ghi chú	Thực hiện năm 2023	% SS cùng kỳ 2023
1	Sản xuất: (tấn)						
	- Phôi thép	100.000	107.468	107,5		90.380	118,9
	Trong đó gia công	-	3.158	-		7.325	43,1
	- Thép cán	80.000	83.074	103,8		82.322	100,9
	Trong đó gia công	-	13.641	-		7.804	147,8
2	Tiêu thụ: (tấn)						
	- Thép cán	80.000	86.081	107,6		82.930	103,8
	Trong đó gia công	-	13.641	-		7.804	147,8
	- Phôi thép	20.000	36.263	181,3		21.512	168,6
3	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	7,0	0,78	11,4		10,91	7,2
4	Thu nhập bình quân (tr.đ/người/tháng)	21,43	19,652	91,7		18,002	109,2
5	Doanh thu (tỷ đồng)	1.487	1.496	100,6		1.396	107,2

2. Về đầu tư tài sản cố định (TSCĐ), trang bị bổ sung và sửa chữa lớn:

a. Về đầu tư tài sản cố định:

- Trong năm 2024 HĐQT và Ban điều hành đã cân đối nguồn nhân lực để đầu tư: Có kế hoạch đầu tư 3 hạng mục với tổng mức 3,8 tỷ đồng gồm:

+ Lắp Scada trạm 110KV Vikimco: do thiết bị của trạm 110KV sử dụng cách đây nhiều năm, công ty đã mời 2 đơn vị đến khảo sát báo giá thi công, nhưng đến nay họ chưa phản hồi.

+ Máy tiện vạn năng: Công ty tạm ngưng thực hiện do tình hình sản xuất khó khăn.

+ Chuyển đổi số quản lý văn phòng: Tạm ngưng (Công ty sẽ cố gắng triển khai cùng với chương trình của Tổng Công ty).

b. Về tình hình sửa chữa lớn.

Trong năm 2024 Công ty đã sửa chữa lớn các hạng mục tại các phân xưởng đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất chung của Công ty, tất cả các hạng mục sửa chữa lớn được nghiệm thu đưa vào sử dụng và quyết toán đúng quy định.

TT	Tên dự án	Nội dung công việc	Khởi công/ hoàn thành	Tổng mức phê duyệt	Thực hiện (đã có VAT)
1	Đại tu xe đào KOBELCO; HYUDAI; CAT	Đại tu máy và hệ thống thủy lực	01-09/2024	0,5	0,445
2	Sửa chữa biến thế lò LF 3,6MVA	Đang sự cố, có khí cháy phát sinh	06-12/2024	0,4	-
3	Cải tạo thùng rót	Sửa chữa 8 thùng rót	06-12/2024	2,4	-
4	Đoạn ống hút gián tiếp	Thay đoạn ống bị hư hỏng	01-06/2024	0,08	0,062
5	Ray cầu trục luyện	Căn chỉnh và gia cố lại dầm, ray, làm lại sàn đi lại kiểm tra ray	06-12/2024	0,1	-
6	Nắp lò LF	Chế tạo nắp mới	06-12/2024	0,4	-
7	Sửa chữa hệ thống nước lò EAF, nước đúc	Thay bơm nước, thay ống nước	06-12/2024	0,5	-
8	Máy cưa phôi thép	Hiện tại máy cưa ở PX đã	06-12/2024	0,15	-

	vòng ngang ø250	quá cũ, tốc độ cửa rất chậm. Có thể mua máy đã qua sử dụng để giảm chi phí			
9	Sửa chữa động cơ hút bụi GT1	Hiện nay không có động cơ dự phòng	06-12/2024	0,6	-
10	Sửa chữa lò 2 đốt	Cấp nước, cuộn kháng, đốt lò 2 đốt	04-9/2024	0,3	0,278 (chưa VAT)
11	Sửa chữa nền bê tông nhà liệu mới	Thi công nền bê tông hư hỏng ~180m ² . làm hố ga mới.	06-12/2024	0,22	-
12	Mương thu gom nước sửa xe	Thi công gờ bao, mương, hồ lắng, chứa.	06-12/2024	0,3	0,261
13	Sửa chữa lợp mái các xưởng	Thay các tôn mái bị hư hỏng, mục nát.	01-12/2024	1,2	0,964
14	Sửa chữa đường nội bộ	Sửa chữa các đường lưu thông nội bộ bị hư hỏng	01-12/2024	0,5	-
15	Sửa chữa hệ thống thoát nước	Thông, nạo vét chống ngập	01-12/2024	0,2	0,0835

3. Về tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2024, HĐQT đã đảm bảo chế độ họp một quý một lần, thực hiện tốt dân chủ trong cuộc họp. Ngoài ra, HĐQT Công ty còn thường xuyên trao đổi hàng ngày hoặc qua điện thoại để giải quyết kịp thời những vướng mắc phát sinh để đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông: Dương Minh Chính	5/5	100%	-

2	Ông: Nguyễn Xuân Tiến	1/1	100%	Miễn nhiệm từ ngày 15/04/2024
3	Ông: Hoàng Đức Hoa	4/4	100%	Bổ nhiệm từ ngày 15/04/2024
4	Ông: Cao Anh Kiệt	5/5	100%	-
5	Ông: Lê Bá Phương	5/5	100%	-
6	Bà: Nguyễn Thị Mai Khanh	5/5	100%	-

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01B/NQ-VKC	02/01/2024	Phê duyệt bán hàng trả chậm (tín chấp) cho Tập đoàn Chipmong	100%
2	58/NQ-VKC	23/02/2024	Về đánh giá kết quả công tác quý 4 và năm 2023; kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm quý 1 và năm 2024	100%
3	61/NQ-VKC	26/02/2024	Chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
4	72/NQ-VKC	27/02/2024	Thông qua việc ký việc ký kết hợp đồng giao dịch giữa Công ty và các tổ chức là người có liên quan của Tổng Công ty với Tổng giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% Tổng tài sản.	100%
5	180/NQ-VKC	15/04/2024	Về việc phê duyệt bổ nhiệm và miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty	100%
6	181/QĐ-VKC	15/04/2024	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
7	261B/NQ-VKC	22/05/2024	Về đánh giá kết quả công tác Quý 1 năm 2024, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm	100%

			Quý 2 năm 2024	
8	1211/NQ-VKC	07/08/2024	Về đánh giá kết quả công tác Quý 2 và 6 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm Quý 3 và 6 tháng cuối năm 2024	100%
9	1356/NQ-VKC	22/10/2024	Về đánh giá kết quả công tác Quý 3 và 9 tháng đầu năm, kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm Quý 4 năm 2024	100%
10	1357/NQ-VKC	22/10/2024	Về việc phê duyệt bán hàng trả chậm (tín chấp) cho tập đoàn Chipmong	100%

4. Về thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2024.

Trong năm 2024 Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao (đồng)	Ghi chú
01	Nguyễn Thị Mai Khanh	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thù lao 4 Tr.đ/tháng
02	Lê Bá Phương	Ủy viên HĐQT	48.000.000	Thù lao 4 Tr.đ/tháng
	Tổng cộng		96.000.000	

Các thành viên khác của HĐQT trong năm 2024 đều làm việc trực tiếp tại Công ty, được Công ty trả lương tháng nên không hưởng thù lao.

Mức thù lao trên được thực hiện theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, HĐQT kính báo cáo để Quý cổ đông rõ.

5. Về công tác giám sát đối với hoạt động của Ban điều hành.

Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện tốt việc giám sát hoạt động của ban điều hành để đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty vận hành theo mục tiêu và kỳ vọng của cổ đông.

HDQT luôn có những chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời nhằm giúp ban điều hành phản ứng linh hoạt trước những biến động của thị trường, thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của HDQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

6. Báo cáo về các giao dịch

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với bên có liên quan như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số Giấy NSH	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)		
			Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0100100047	Chia cổ tức 2023		55.625.570.000
2	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	3502269994	Bán thép	61.784.238	876.082.071.732
			Mua nguyên vật liệu	33.010	950.311.400
			Phí thương hiệu		4.741.940.268
			Phí xếp dỡ (Cảng Thủ Đức)		8.987.521
			Phí xếp dỡ		202.059.751
			Lãi chậm trả		16.658.236
			Phí trả trước hạn		9.397.474
3	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	0305393838	Bán phôi thép và vật tư khác	14.775.740	185.037.854.950
			Phí xếp dỡ		46.396.945
			Lãi chậm trả		42.312.526
4	Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	3500106761	Bán phôi thép	10.911.960	138.482.194.000
5	Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	3600961762	Phí xếp dỡ		220.977.568
			Mua vật tư		5.388.348

			Phí xếp dỡ		83.982.228
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	3600869728	Mua nguyên vật liệu, chi phí khác		700.880.000
7	Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	0303357746	Mua nguyên vật liệu	2.436	50.215.594
8	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	0300399360	Bán phôi thép	1.011.870	12.850.749.000
			Mua phôi thép	1.000.390	12.104.719.000
			Mua nguyên vật liệu	24.201	366.908.458
9	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung		Bán phôi thép	6.204.250	79.150.076.000
10	Công ty TNHH Nippovina	0300828997	Mua nguyên vật liệu	2.852.654	24.452.477.250
11	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	0100107317	Thuê vận chuyên		2.320.076.105

Trong năm Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên có liên quan đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời công bố thông tin các giao dịch với bên có liên quan đúng thời hạn theo quy định của pháp luật

7. Các kế hoạch trong tương lai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel xem xét trình chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Sản xuất phôi thép : 140.000 tấn
- Sản xuất thép cán : 95.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 95.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 40.000 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 5,0 tỷ đồng.

Trên đây là hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2024 và kế hoạch trong tương lai năm 2025.

Kính trình Tổng Công ty xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.



Dương Minh Chính





Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM SOÁT KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024 VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua;
- Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15/4/2024;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC,

Thực hiện nhiệm vụ của năm 2024, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả của hoạt động kiểm tra và giám sát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 4 cuộc họp trong năm 2024 (hình thức gửi mail), đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2024

- Xem xét đánh giá hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, liên quan đến việc thực hiện kế hoạch năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Xem xét việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban Điều hành theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã đề ra;
- Kiểm tra soát xét các báo cáo tài chính hàng quý, năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý số liệu tài chính của Công ty, qua đó lập các báo cáo của Ban kiểm soát;
- Xem xét thực hiện công tác đầu tư, sửa chữa lớn;
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty và Ban điều hành Công ty với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác.

Được sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như các phòng ban Công ty tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu nhập thông tin tài liệu và các Nghị quyết, các báo cáo một cách kịp thời, Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Mức thù lao Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel chi trả cho BKS trong năm 2024 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đ)	Thù lao/năm (đ)
01	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
02	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
03	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000

III. KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA VÀ GIÁM SÁT NĂM 2024

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Tình hình sản xuất và tiêu thụ:

Sản phẩm (tấn)	Kế hoạch 2024	2024		Thực hiện 2023	% so với 2023
		Thực hiện	% TH/KH		
Sản xuất thép thỏi	100.000	107.584,3	107,6	90.380,2	119,0
Sản xuất thép cán	80.000	83.073,7	103,8	82.322,3	100,9
Tiêu thụ thép thỏi	20.000	36.379,3	181,9	21.512,4	169,1
Tiêu thụ thép cán	80.000	86.074,8	107,6	82.930,3	103,8

Tình hình sản xuất năm 2024 có tăng trưởng nhẹ so với năm 2023. Cụ thể thép thỏi tăng 19% so với cùng kỳ và đạt 107,6% so với kế hoạch, thép cán tăng 9% so với cùng kỳ và đạt 103,8% so với kế hoạch.

Từ ngày 17/03/2024 sản xuất lại công nghệ lò gas đến ngày 19/3/2024 bị hư lò gas phải ngưng sửa chữa và cán lò cảm ứng do vậy sản lượng Quý 1 rất thấp.

Công ty vẫn chủ yếu sản xuất ca đêm.

Năm 2024 sản lượng tiêu thụ thép thỏi tăng mạnh so với 2023, tăng 69,1% so với cùng kỳ và tăng 81,9% so với kế hoạch 2024. Sản lượng tiêu thụ thép cán tăng nhẹ 3,8% so với cùng kỳ và tăng 7,6% so với kế hoạch.

Do tình hình tiêu thụ thép cán chậm, Công ty tăng sản lượng gia công và bán thép thỏi.

Kết quả hoạt động kinh doanh (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	2024	2023	Tăng, giảm 2024/ 2023	%
Doanh thu thuần	1.496.581.606.174	1.396.308.901.163	100.272.705.011	7,2
Giá vốn	1.456.579.660.588	1.348.053.020.051	108.526.640.537	8,1
Lợi nhuận gộp	40.001.945.586	48.255.881.112	-8.253.935.526	-17,1
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	4.833.643.551	1.159.556.544	3.674.087.007	316,9
Chi phí bán hàng	12.257.871.350	9.282.052.523	2.975.818.827	32,1
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.563.055.871	30.895.512.071	4.667.543.800	15,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 2.985.338.084	9.237.873.062	-12.223.211.146	-132,3
Lợi nhuận từ HĐ khác	3.771.895.398	1.672.190.146	2.099.705.252	125,6
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	786.557.314	10.910.063.208	-10.123.505.894	-92,8

Doanh thu bán hàng đạt 1.502,5 tỷ đồng, tăng 104,4 tỷ và tăng 7,5% so với cùng kỳ. Doanh thu này chủ yếu từ việc tiêu thụ thép cán 1.018,7 tỷ và tiêu thụ thép thỏi 458,3 tỷ.

Các khoản giảm trừ doanh thu 5,9 tỷ đồng, tăng 4,1 tỷ và tăng 227% so với cùng kỳ trong đó chủ yếu là chiết khấu thương mại 4,5 tỷ tăng 2,6 tỷ tăng 147,4% do đơn giá chi phí thương hiệu tăng gấp 2 lần năm 2023.

Doanh thu thuần đạt 1.496,5 tỷ đồng, tăng 100,2 tỷ và tăng 7,2%. Giá vốn 1.456,5 tỷ đồng, tăng 108,5 tỷ và tăng 8,1%. Lợi nhuận gộp 40 tỷ giảm 8,2 tỷ và giảm 17,1%. Trong 6 tháng đầu năm sản lượng hàng tồn kho tại Công ty cao với giá thành cao hơn giá thị trường (sản lượng tồn phiê thép 2.573,3 tấn; gang phê liệu 1.239,8 tấn; thép thành phẩm 7.947 tấn) dẫn đến kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 lỗ, sang quý 4 Công ty đã từng bước khắc phục.

Lợi nhuận hoạt động tài chính 4,8 tỷ đồng tăng 3,6 tỷ và tăng 316,9% so với cùng kỳ trong đó chi phí tài chính 144 triệu đồng, do công ty tiết giảm sản xuất, cân đối dòng tiền, giảm thiểu nợ vay để giảm chi phí tài chính.

Chi phí bán hàng 12,2 tỷ tăng 2,9 tỷ và tăng 32,1% trong đó:

+ Chi phí bốc xếp vận chuyển 7,5 tỷ tăng 1,7 tỷ tăng 29% do sản lượng tiêu thụ thép tăng nhiều so với cùng kỳ.

+ Chi phí thương hiệu chữ “V” 4,7 tỷ tăng 1,3 tỷ tăng 38%, sản lượng tiêu thụ thép cán trong kỳ chỉ tăng 3,8% nhưng đơn giá chi phí thương hiệu năm 2024 tăng gấp 2 lần 2023 dẫn đến chi phí thương hiệu tăng 38%.

Chi phí quản lý 35,5 tỷ tăng 4,6 tỷ và tăng 15,1% nguyên nhân:

+ Chi phí nhân viên quản lý 14,9 tỷ, tăng 1,6 tỷ tăng 13% do Cty điều chỉnh đơn giá lương tăng theo kế hoạch giao.

+ Năm 2023 hoàn tiền trợ cấp thôi việc 2 tỷ.

+ Chi phí bằng tiền khác 4,6 tỷ, tăng 530,9 triệu tăng 13%.

Nên thực tế chi phí quản lý năm 2024 chỉ tăng 2,6 tỷ.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2024 lỗ 2,9 tỷ.

Lợi nhuận khác 3,7 tỷ tăng 2 tỷ tăng 125,6% trong đó:

+ Thu nhập khác 3,8 tỷ là 3,5 tỷ tiền hoàn thuế đất được giảm năm 2023 và khoản thu nhập khác từ thu hồi vật tư 296,6 triệu.

+ Chi phí khác 104,9 triệu là khoản nộp phạt: trong đó phạt thuế 101,7 triệu và giảm thuế được khấu trừ 3 triệu theo Biên bản xử phạt thuế số 4082/QĐ-CT ngày 31/10/2024 của Cục thuế TP.HCM.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2024 đạt 786,5 triệu đồng, đạt 11,2% kế hoạch, giảm 10,1 tỷ, và giảm 92,8% so với 2023.

Năm 2024 Công ty đạt chỉ tiêu về sản xuất và tiêu thụ so với kế hoạch đã đề ra, nhưng chỉ tiêu về lợi nhuận chưa đạt do một số nguyên nhân:

+ Công ty chưa sản xuất bình thường vẫn chủ yếu sản xuất ca đêm.

+ Sự cố sập lò gas tháng 3/2024 Công ty ngưng sửa chữa ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất và phải để tồn kho phôi thép giá cao.

+ Sản lượng tiêu thụ thép cán tuy đạt chỉ tiêu kế hoạch nhưng vẫn thấp do thị trường thép chưa phục hồi dẫn đến doanh thu giảm.

+ Đơn giá chi phí thương hiệu năm 2024 tăng gấp 2 lần năm 2023.

- + Cty điều chỉnh đơn giá lương tăng theo kế hoạch giao dẫn đến chi phí nhân công tăng.
 - + 6 tháng đầu năm sản lượng tồn kho nguyên nhiên liệu, phôi thép và thép cán cao, với giá thành tồn kho cao hơn giá thị trường.
 - + Tiền thuê đất năm 2024 là 12 tỷ đồng, năm 2023 được giảm tiền thuê đất 30%.
- Tổng kết lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 519,9 triệu đồng, giảm 8 tỷ và giảm 94% so với năm 2023.

2. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty được lập đã tuân thủ đúng chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam, đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán AASC; Thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính hàng quý đầy đủ, rõ ràng đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp.

(Đơn vị tính: đồng)

	TÀI SẢN	31/12/2024	01/01/2024	+ / -	%
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	357.133.576.357	412.180.390.968	-55.046.814.611	-13,4
	Tiền và các khoản tương đương tiền	41.071.545.578	122.727.069.626	-81.655.524.048	-66,5
	Các khoản phải thu ngắn hạn	162.079.363.517	122.041.750.130	40.037.613.387	32,8
	Hàng tồn kho	148.176.095.180	164.345.209.413	-16.169.114.233	-9,8
	Tài sản ngắn hạn khác	5.806.572.082	3.066.361.799	2.740.210.283	89,4
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	6.311.724.924	11.243.412.138	-4.931.687.214	-43,9
	Tài sản cố định	4.384.120.090	8.648.052.120	-4.263.932.030	-49,3
	Tài sản dở dang dài hạn	1.127.829.192	783.360.018	344.469.174	44,0
	Tài sản dài hạn khác	799.775.642	1.812.000.000	-1.012.224.358	-55,9
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	363.445.301.281	423.423.803.106		
	NGUỒN VỐN	31/12/2024	01/01/2024	+ / -	%
C.	NỢ PHẢI TRẢ	150.766.695.457	123.687.397.518	27.079.297.939	21,9
	Nợ ngắn hạn	99.718.695.457	72.639.397.518	27.079.297.939	37,3
	Nợ dài hạn	51.048.000.000	51.048.000.000	0	0,0
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	212.678.605.824	299.736.405.588	-87.057.799.764	-29,0

Vốn chủ sở hữu	212.678.605.824	299.736.405.588	-87.057.799.764	-29,0
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	45.964.234.871	133.022.034.635	-87.057.799.764	-65,4
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	363.445.301.281	423.423.803.106		

Tình hình tài chính đến ngày 31/12/2024:

*** Về tài sản:**

– Tiền và các khoản tương đương tiền đến cuối kỳ là 41 tỷ đồng giảm 81,6 tỷ đồng, giảm 66,5% so với đầu năm, trong đó:

+ Tiền mặt 188,2 triệu đồng giảm 57,2 triệu đồng, giảm 23,3%.

+ Tiền gửi không kỳ hạn 15,8 tỷ đồng tăng 12,9 tỷ đồng, tăng 432,7%, đây là khoản tiền về cuối tháng để dự phòng chi trả tiền hàng vào đầu tháng 01/2025.

+ Tiền gửi có kỳ hạn 25 tỷ đồng giảm 94,5 tỷ, giảm 66,5%: Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31/12/2024 giảm 94,5 tỷ do ngày 23/09/2024 Công ty chuyển trả tiền cổ tức cho cổ đông 85 tỷ.

– Các khoản phải thu ngắn hạn 162 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng, tăng 32,8%, trong đó:

+ Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 40,8 tỷ đồng, tăng 33,1% so với đầu kỳ, số tiền những khách hàng còn nợ Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 164,1 tỷ đồng, trong đó:

Nợ luân chuyển 161,4 tỷ: Cty TNHH MTV Thép Miền Nam – VNSTEEL (108,5 tỷ), Cty CP Thép Nhà Bè – Vnsteel (6,3 tỷ), Chip Mong Group Co,Ltd (46,3 tỷ), Cty CP Thép Vicasa – Vnsteel (15,2 triệu), nợ khác (146,1 triệu), nợ này do chưa đến hạn thu.

Nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng Cty TNHH MTV TMDV VT Lợi My 2.

+ Trả trước người bán ngắn hạn 74,3 triệu đồng giảm 80,7 triệu, giảm 52,1%.

+ Phải thu ngắn hạn khác 610,3 triệu đồng giảm 702,4 triệu, giảm 53,5%.

+ Đến 31/12/2024 Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi 2,7 tỷ đồng.

– Giá gốc hàng tồn kho đến 31/12/2024 là 148,1 tỷ đồng giảm 16,1 tỷ đồng, giảm 9,8% so với đầu năm, chủ yếu:

Thép cán : 3.933,7 tấn (trị giá 51,8 tỷ đồng) giảm 3.007,8 tấn, giảm 43,3%.

Phôi thép: 3.620,1 tấn (trị giá 42,9 tỷ đồng) tăng 2.040,6 tấn, tăng 129,2%

Thép phế liệu: 3.424,5 tấn (trị giá 25,2 tỷ đồng) tăng 625,4 tấn, tăng 22,3%

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 550,8 triệu

– Tài sản ngắn hạn khác 5,8 tỷ đồng tăng 2,7 tỷ, tăng 89,4% trong đó:

+ Chi phí trả trước ngắn hạn 1,2 tỷ đồng giảm 1,7 tỷ, giảm 58,1% đây là khoản phân bổ công cụ dụng cụ xuất dùng 988,5 triệu đồng và chi phí mua bảo hiểm 296 triệu.

+ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ 4,5 tỷ đồng tăng 100% do tăng lượng hàng mua vào để sản xuất, do đó thuế GTGT đầu vào cao hơn đầu ra 4,5 tỷ.

– Chi phí xây dựng cơ bản dở dang 1,1 tỷ đồng là quy hoạch dự án Cty CP Thép Thủ Đức 783,3 triệu và sửa chữa lớn tài sản cố định 344,4 triệu đồng.

– Chi phí trả trước dài hạn 799,7 triệu đồng giảm 1 tỷ, giảm 55,9% là khoản phân bổ chi phí sửa chữa máy biến thế 25MVA (24 tháng) 362,4 triệu; Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn 89,8 triệu; Chi phí chờ phân bổ trực cán 347,4 triệu.

* *Về nguồn vốn: Tổng nợ phải trả của Cty đến 31/12/2024 là 150,7 tỷ đồng tăng 27 tỷ, tăng 21,9% so với đầu kỳ, trong đó:*

– Phải trả người bán ngắn hạn 70,2 tỷ đồng tăng 26,9 tỷ, tăng 62,1%.

– Người mua trả tiền trước ngắn hạn 13,5 triệu đồng.

– Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 202,1 triệu đồng là tiền thuế thua nhập doanh nghiệp 198,7 triệu đồng, thuế thu nhập cá nhân 3,3 triệu.

– Phải trả người lao động 22,9 tỷ.

– Chi phí phải trả ngắn hạn 4,3 tỷ tăng 692,6 triệu, tăng 18,8% trong đó trích trước tiền điện nước, điện thoại 3,7 tỷ, chi phí quản lý 75 triệu và nguyên vật liệu hàng hóa nhập kho chưa nhận hóa đơn 543,5 triệu (do khách hàng đổ liệu ngày 31/12/2024 đến ngày sau 01/01/2025 khách hàng mới ra hóa đơn, phải tạm nhập để đảm bảo tính đúng đủ trong nhập xuất tồn phế liệu).

– Phải trả ngắn hạn khác 1,3 tỷ.

– Quỹ khen thưởng phúc lợi 510,6 triệu.

– Phải trả dài hạn khác 51 tỷ đồng là tiền hỗ trợ di dời của Cty REFICO 50 tỷ đồng và 1 tỷ là tiền ký quỹ mượn vỏ chai oxy của khách hàng trước đây.

3. Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2023

Tỷ lệ chi trả cổ tức 70% bằng tiền mặt

Cổ tức đã chi trả bằng tiền mặt 85,5 tỷ đồng

4. Công tác sửa chữa lớn năm 2024

Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2024 là 15 hạng mục với tổng giá trị sửa chữa dự kiến 7,85 tỷ đồng, đến 31/12/2024 Công ty đã triển khai 6 hạng mục và thực hiện giải ngân được 2 tỷ, chi tiết các hạng mục:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Nội dung công việc và Hiệu quả	Ngày Khởi công/ hoàn thành	Tổng mức đầu tư phê duyệt	Thực hiện giải ngân
1	Đại tu xe đào KOBELCO; HYUDAI; CAT	- Đại tu máy và hệ thống thủy lực - Phục vụ công tác xuống và chuẩn bị liệu cho nấu luyện	03/2024 12/2024	0,5	0,445
2	Đoạn ống hút bụi gián tiếp	- Thay đoạn ống bị hư hỏng - Hệ thống hút bụi làm việc tốt, đảm bảo môi trường	03/2024 04/2024	0,08	0,062
3	Sửa chữa lò 2 đốt	- Cấp nước, cuộn kháng, đốt lò 2 đốt - Đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả theo yêu cầu sản xuất - Là thiết bị nhập khẩu	06/2024 12/2024	0,3	0,278
4	Sửa chữa khu rửa xe	- Thi công bờ bao, mương, hồ lắng, chứa - Đảm bảo thu gom dầu nhớt xe máy trong quá trình sửa chữa, không để dầu nhớt tràn ra ngoài gây ô nhiễm môi trường	05/2024 09/2024	0,3	0,246
5	Sửa chữa lọc mái các xưởng	- Thay các tôn mái bị hư hỏng, mục nát - Tránh gây sự cố khi trời mưa, đảm bảo an toàn trong sản xuất	02/2024 12/2024	1,2	0,933
6	Sửa chữa hệ thống thoát nước	- Thông, nạo vét chống ngập - Đảm bảo thoát nước tốt khi trời mưa, tránh gây hư hỏng vật tư, thiết bị	02/2024 12/2024	0,2	0,077

7	Sửa chữa biến thế lò LF 3,6MVA	Đang sự cố, có khí cháy phát sinh	06/2024 12/2024	0,4	-
8	Cải tạo thùng rót	Sửa chữa 8 thùng rót	06/2024 12/2024	2,4	-
9	Ray cầu trục luyện	Căn chỉnh và gia cố lại dầm, ray, làm lại sàn đi lại kiểm tra ray.	06/2024 12/2024	0,1	-
10	Nắp lò LF	Chế tạo nắp mới	06/2024 12/2024	0,4	-
11	Sửa chữa hệ thống nước lò EAF, nước đúc	Thay bơm nước, thay ống nước	06/2024 12/2024	0,5	-
12	Máy cưa phi thép vòng ngang ø250	Hiện tại máy cưa ở PX đã quá cũ, tốc độ cưa rất chậm. Có thể mua máy đã qua sử dụng để giảm chi phí.	06/2024 12/2024	0,15	-
13	Sửa chữa động cơ hút bụi GT1	Hiện nay không có động cơ dự phòng	06/2024 12/2024	0,6	-
14	Sửa chữa nền bê tông nhà liệu mới	Thi công nền bê tông hư hỏng ~180m ² , làm hồ ga mới.	06/2024 12/2024	0,22	-
15	Sửa chữa đường nội bộ	Sửa chữa các đường lưu thông nội bộ bị hư hỏng.	01/2024 12/2024	0,5	-

Các hạng mục chưa triển khai thực hiện:

- Sửa chữa biến thế lò LF 3,6MVA: Tiếp tục theo dõi tình hình khí cháy phát sinh trong biến thế. Dự kiến đưa vào thực hiện đầu năm 2025.
- Và 8 hạng mục dừng triển khai thực hiện, do tình hình kinh doanh gặp nhiều khó khăn.

5. Công tác đầu tư năm 2024

Kế hoạch đầu tư năm 2024 có 03 hạng mục, tổng mức đầu tư dự kiến phê duyệt 3,8 tỷ đồng:

- Lắp Scada 110V Vikimco 800 triệu: Đầu tư thiết bị để truyền trạng thái vận hành lưới điện theo thời gian thực về cho điện lực Thành phố.

Dự án này chưa thực hiện do thiết bị của trạm 110KV sử dụng cách đây nhiều năm. Công ty đã mời 2 đơn vị đến khảo sát báo giá thi công nhưng đến nay hai đơn vị này vẫn chưa có được phương án cũng như chi phí lắp đặt. Nguyên nhân do thiết bị trạm đã cũ, việc đấu nối lắp đặt thêm phức tạp, thời gian kéo dài làm mất độ tin cậy của mạch bảo vệ hiện hữu. Công ty đã trả lời công văn cho Trung tâm Điều độ hệ thống điện Miền nam giải thích về khó khăn trên.

Hiện nay theo yêu cầu ngành điện nên Công ty vẫn để hạng mục này cho kế hoạch đầu tư năm 2025.

- Máy tiện vạt năng 1 tỷ: Thay thế cho các máy tiện Liên xô cũ, hư hỏng thường xuyên, không có phụ tùng thay thế. Công ty tạm ngưng thực hiện dự án này do tình hình sản xuất khó khăn.

- Dự án chuyển đổi số quản lý văn phòng 2 tỷ: Đầu tư phần mềm văn phòng điện tử và Quản lý nhân sự đồng bộ với hệ thống của Tổng công ty, dự án này tạm ngưng thực hiện do Tổng Công ty chưa triển khai.

6. Công tác đầu tư di dời của Công ty năm 2024

Công ty vẫn theo dõi thực hiện các công việc cần thiết gửi các Sở, Ban ngành của TP. HCM để có thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất tại khu đất hiện hữu.

7. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2024

- Năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm, HĐQT duy trì đầy đủ các phiên họp định kỳ; những vấn đề cần thiết phải thảo luận, biểu quyết trong cuộc họp đều được ghi thành biên bản và lưu trữ đầy đủ theo đúng quy định tại Công ty; các vấn đề được HĐQT thông qua trong cuộc họp đều được ban hành bằng Nghị quyết;

- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời để thông qua các vấn đề chính như: Thông qua kế hoạch SXKD; Công tác đầu tư; Công tác bổ nhiệm cán bộ..., cơ bản các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao;

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

8. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2024

Ban Điều hành đã triển khai tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Để thích ứng với tình hình sản xuất, năm 2024 Ban Điều hành đã cơ cấu lại bộ máy sản xuất và nhân sự lao động đó là xác nhập phân xưởng Luyện Thép và phân xưởng Cán Thép thành phân xưởng Sản xuất. Công ty vẫn chủ yếu sản xuất ca đêm nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập ổn định cho CBCNV Cty.

Kiểm soát tốt về giá, chất lượng nguyên liệu đầu vào cũng như tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm hợp lý, gia tăng sản lượng bán phôi và gia công thép cán ở 6 tháng cuối năm... Ban điều hành đã từng bước khắc phục khoản lỗ của 9 tháng đầu năm đem lại lợi nhuận cho năm 2024.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ GIAO DỊCH:

Trong năm, Công ty đã thực hiện giao dịch với bên có liên quan như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số Giấy NSH	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (không bao gồm thuế GTGT)		
			Nội dung giao dịch	Số lượng giao dịch (kg)	Tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP	0100100047	Chia cổ tức 2023		55.625.570.000
2	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	3502269994	Bán thép	61.784.238	876.082.071.732
			Mua nguyên vật liệu	33.010	950.311.400
			Phí thương hiệu		4.741.940.268
			Phí xếp dỡ (Cảng Thủ Đức)		8.987.521
			Phí xếp dỡ		202.059.751
			Lãi chậm trả		16.658.236
			Phí trả trước hạn		9.397.474
3	Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	0305393838	Bán phôi thép và vật tư khác	14.775.740	185.037.854.950
			Phí xếp dỡ		46.396.945
			Lãi chậm trả		42.312.526
4	Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	3500106761	Bán phôi thép	10.911.960	138.482.194.000
5	Công ty Cổ phần Thép Vicasa -	3600961762	Phí xếp dỡ		220.977.568
			Mua vật tư		5.388.348

	VNSTEEL		Phí xếp dỡ		83.982.228
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	3600869728	Mua nguyên vật liệu, chi phí khác		700.880.000
7	Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	0303357746	Mua nguyên vật liệu	2.436	50.215.594
8	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	0300399360	Bán phôi thép	1.011.870	12.850.749.000
			Mua phôi thép	1.000.390	12.104.719.000
			Mua nguyên vật liệu	24.201	366.908.458
9	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung		Bán phôi thép	6.204.250	79.150.076.000
10	Công ty TNHH Nippovina	0300828997	Mua nguyên vật liệu	2.852.654	24.452.477.250
11	Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	0100107317	Thuê vận chuyên		2.320.076.105

Trong năm Công ty đã thực hiện giao dịch với các bên có liên quan đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời công bố thông tin các giao dịch với bên có liên quan đúng thời hạn theo quy định của pháp luật

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG.

- Ban kiểm soát thường xuyên có những trao đổi với HĐQT và Ban điều hành qua các hình thức như: trao đổi trực tiếp, văn bản và thư điện tử.
- Ban kiểm soát cũng thường xuyên cử đại diện tham gia các cuộc họp của các bộ phận nhằm nâng cao chất lượng cũng như tính độc lập của hoạt động kiểm soát. Trong các cuộc họp này, BKS đã đưa ra những ý kiến đóng góp trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình.
- HĐQT, Ban điều hành cũng như các đơn vị phòng ban trong Công ty đã phối hợp và tạo điều kiện để BKS có thể thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các báo cáo, hồ sơ chứng từ đều được cung cấp đầy đủ đến BKS khi có yêu cầu.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo về tài chính, về tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

Kiểm tra, giám sát thực hiện công tác đầu tư, di dời Công ty.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao.

Báo cáo này đã được tất cả thành viên Ban kiểm soát thông qua, kính trình Đại Hội đồng cổ đông.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban



Đoàn Hồng Hà



Số: 127/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau:

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel đã được kiểm toán độc lập bởi *Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC* ký ngày 27/02/2024, được Ban kiểm soát Công ty kiểm tra thẩm định và được Công bố thông tin công khai theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung cụ thể như sau:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024.

Chi tiết Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel được gửi kèm theo tờ trình.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 18/TTTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch SXKD năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel;

Căn cứ vào dự báo tình hình kinh tế xã hội của đất nước và nhu cầu thép xây dựng của thị trường;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận năm 2025 như sau:

- Sản xuất phôi thép : 140.000 tấn
- Sản xuất thép cán : 95.000 tấn
- Tiêu thụ thép cán : 95.000 tấn
- Tiêu thụ phôi thép : 40.000 tấn
- Lợi nhuận trước thuế : 5,0 tỷ đồng.

Năm 2025 dự báo nhu cầu thép toàn cầu vẫn khó khăn, cạnh tranh trong nước và hàng nhập khẩu gặp khó, tình hình SXKD của ngành thép nói chung và của Công ty còn gặp nhiều khó khăn trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 129 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD của Công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2025 như sau:

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Hệ thống kiểm soát khí thải online	5.000	Vốn DN	
2	Lắp Scada 110KV Vikimco	800	Vốn DN	
	TỔNG CỘNG:	5.800	Năm tỷ tám trăm triệu đồng chẵn	

Về vốn đầu tư: thu xếp nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 130/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2024;

Căn cứ kết quả báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

1. Kết quả đạt được năm 2024:

Tổng lợi nhuận trước thuế 786.557.314 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN 519.951.236 (đồng)

2. Kết quả chia lợi nhuận: Tổng vốn điều lệ 122.253.930.000 (đồng)

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ %/LNCP	Tỷ lệ %/VDL
1	Chia trả cổ tức bằng tiền mặt	0	0	0
2	Quỹ phúc lợi người lao động	300.000.000	57,7%	
3	Quỹ khen thưởng người quản lý và người lao động công ty	0	0	
4	Lợi nhuận để lại chưa phân phối (dự phòng di dời)	219.951.236	42,3	
	TỔNG CỘNG	519.951.236	100%	

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 131 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội thông qua;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 như sau:

1. Kế hoạch lợi nhuận năm 2025:

Tổng lợi nhuận trước thuế	5.000.000.000 (đồng)
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	4.000.000.000 (đồng)
Tổng vốn điều lệ	122.253.930.000 (đồng)

2. Kết quả chia lợi nhuận

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN được chia 4.000.000.000 đồng như sau:

Stt	Nội dung phân phối lợi nhuận	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ % LNPP	Tỷ lệ % VDL
01	Chia lãi cổ phần bằng tiền mặt	0	0	0
02	Quỹ phúc lợi cho người lao động	400.000.000	10,0%	
03	Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành	0	0	
04	Lợi nhuận để lại đầu tư di dời	3.600.000.000	90%	
	TỔNG CỘNG	4.000.000.000	100%	

Do năm 2023 Công ty đã chi trả cổ tức 70% bằng tiền mặt, hiện tại vốn cho hoạt động SXKD gặp nhiều khó khăn do bị ảnh hưởng của chủ trương di dời, vì vậy năm 2025 không chia cổ tức.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Dương Minh Chính

Số: 132/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/4/2024, giao quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán. Năm 2024 Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán độc lập.

Trong năm qua Kiểm toán viên đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định về đạo đức nghề nghiệp. Công tác kiểm toán năm 2024 đã được tiến hành đầy đủ theo qui định của pháp luật, được phản ánh cụ thể trong thư quản lý của Công ty kiểm toán, đi kèm báo cáo kiểm toán.

Căn cứ vào Điều lệ của Công ty, Ban Kiểm soát kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong số năm (05) Công ty kiểm toán (bao gồm Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, PricewaterhouseCoopers (PWC), Deloitte, Ernst and Young (E&Y) và KPMG) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Đoàn Hồng Hà

Số: 133 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Kính gửi: Quý cổ đông;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 về mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel năm 2024. Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel quyết toán thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty trong năm 2024 như sau:

1. Mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 thông qua:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

2. Mức thù lao thực hiện năm 2024:

Năm 2024 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel có 02 thành viên Hội đồng Quản trị và 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty không trả lương hàng tháng; 01 Trưởng ban kiểm soát và 01 thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm hưởng thù lao. Các thành viên Hội đồng quản trị khác không hưởng thù lao.

Mức thù lao Công ty chi trả như sau:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Thù lao/tháng (đồng)	Thù lao/năm (đồng)
01	Lê Bá Phương	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
02	Nguyễn Thị Mai Khanh	UV.HĐQT	4.000.000	48.000.000
03	Đoàn Hồng Hà	TBKS	4.000.000	48.000.000
04	Trần Minh Hạnh	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
05	Nguyễn Quốc Cường	UV.BKS	3.000.000	36.000.000
	TỔNG CỘNG			216.000.000

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).



Số: 134 /TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH
Về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Kính gửi: Quý cổ đông;

Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thép thủ Đức - Vnsteel.

Căn cứ vào Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 mức thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty năm 2025 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm Soát được trả vào cuối mỗi quý của năm.

Đối với kế hoạch tiền lương năm 2025: Đề nghị ĐHCĐ giao cho HĐQT Công ty thực hiện quyền biểu quyết và điều chỉnh sau khi có văn bản chỉ đạo của Tổng công ty về giao kế hoạch tiền lương năm 2025.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2025 chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).


Đương Minh Chính

Số: 135/TTr - VKC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của cổ đông
sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên

Kính gửi: Quý cổ đông;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty CP Thép Thủ Đức - VNSTEEL;
- Căn cứ tình hình thực tế và điều kiện sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty;

Theo đó Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty với các bên có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và điểm b khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Do vậy, ĐDV Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL kính trình Tổng Công ty thông qua để trình ra Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua hợp đồng mua bán thép/phôi thép trả chậm với các công ty có liên quan của Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP (Cổ đông sở hữu 65% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TDS) trong năm 2025, cụ thể như sau:

DANH SÁCH GIAO DỊCH VỚI CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Stt	Tên khách hàng	Nội dung Hợp đồng/giao dịch	Sản lượng năm 2025 dự kiến (tấn)	Giá trị dự kiến (tỷ đồng)
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Bán thép cán, phôi thép	95.000	1.500
2	Công ty CP Thép Nhà Bè - Vnsteel	Bán phôi thép	15.000 - 20.000	180 - 240
3	Công ty TNHH thép Vinakyoei	Bán phôi thép	15.000 - 30.000	180 - 360
4	Công ty Cổ phần Kim Khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Bán thép cán, phôi thép	15.000 - 20.000	180 - 240



Ngoài các Công ty danh sách trên, trường hợp trong năm 2025 có phát sinh giao dịch với đối tượng có liên quan có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (thuộc quyền của Đại hội đồng cổ đông thông qua), đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định và báo cáo tại kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Dương Minh Chính



Số: /NQ - ĐHCD

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2025

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số của Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel, ngày 10/04/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 và kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 3: Thông qua Báo cáo kiểm soát kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và hoạt động của ban kiểm soát

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 5: Thông qua Tờ trình về kế hoạch SXKD năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 6: Thông qua Tờ trình về kế hoạch đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 8: Thông qua Tờ trình về dự kiến phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 9: Thông qua Tờ trình về quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 10: Thông qua Tờ trình về kế hoạch lương và mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2025

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 11: Thông qua Tờ trình về lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 12: Thông qua Tờ trình giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 13: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028

1932
CÔNG TY
HÀNG
HỮU
HỮU
HỮU
HỮU
HỮU
HỮU

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

Điều 14: Thông qua Tờ trình Danh sách bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 - 2028:

▪ Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Ông (Số yếu li lịch đính kèm)

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là ... chiếm tỷ lệ ...% số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Họ và tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ bầu cử
	TV HĐQT		

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS ;
- Cổ đông;
- HNX (CBTT);
- Lưu: VT.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 36
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 36

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305409326 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 03 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch	
Ông Cao Anh Kiệt	Thành viên	
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	
Ông Hoàng Đức Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đức Hoa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/04/2024
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Công An	Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán	Bổ nhiệm ngày 16/09/2024
Bà Đỗ Thị Long Châu	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 16/09/2024

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Trần Minh Hạnh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính này là Ông Hoàng Đức Hoa - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL

Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Hoa

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Số: 270225.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập ngày 27 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 01 và số 33 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về việc Công ty đang xin gia hạn tiếp tục thuê đất đến thời điểm hiện tại để có đủ thời gian lập và triển khai thực hiện việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. Sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Phạm Văn Sang

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3864-2025-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		357.133.576.357	412.180.390.968
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	41.071.545.578	122.727.069.626
111	1. Tiền		16.071.545.578	3.227.069.626
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	119.500.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		162.079.363.517	122.041.750.130
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	164.141.870.178	123.324.273.458
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	74.310.000	155.010.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	610.388.656	1.312.795.258
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.747.205.317)	(2.750.328.586)
140	III. Hàng tồn kho	08	148.176.095.180	164.345.209.413
141	1. Hàng tồn kho		148.726.984.547	164.704.597.540
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(550.889.367)	(359.388.127)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		5.806.572.082	3.066.361.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.284.550.829	3.066.361.799
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.522.021.253	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.311.724.924	11.243.412.138
220	I. Tài sản cố định		4.384.120.090	8.648.052.120
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.384.120.090	8.554.996.562
222	- Nguyên giá		310.673.132.246	310.673.132.246
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(306.289.012.156)	(302.118.135.684)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	93.055.558
228	- Nguyên giá		300.000.000	300.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(300.000.000)	(206.944.442)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		1.127.829.192	783.360.018
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	1.127.829.192	783.360.018
260	III. Tài sản dài hạn khác		799.775.642	1.812.000.000
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	799.775.642	1.812.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		363.445.301.281	423.423.803.106

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		150.766.695.457	123.687.397.518
310	I. Nợ ngắn hạn		99.718.695.457	72.639.397.518
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	70.295.260.436	43.366.037.069
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.580.883	13.580.883
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	202.184.798	3.252.514.961
314	4. Phải trả người lao động		22.952.006.682	21.265.352.504
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	4.383.155.283	3.690.499.132
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	1.361.852.389	807.699.036
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		510.654.986	243.713.933
330	II. Nợ dài hạn		51.048.000.000	51.048.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	51.048.000.000	51.048.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		212.678.605.824	299.736.405.588
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	212.678.605.824	299.736.405.588
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		122.253.930.000	122.253.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		26.752.106.672	26.752.106.672
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.964.234.871	133.022.034.635
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		45.444.283.635	124.413.489.548
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		519.951.236	8.608.545.087
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		363.445.301.281	423.423.803.106



Đỗ Thị Quế Nga
Người lập



Đặng Công An
Phụ trách Phòng Tài chính Kế
toán



Hoàng Đức Hoa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	1.502.532.977.817	1.398.128.724.425
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	5.951.371.643	1.819.823.262
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.496.581.606.174	1.396.308.901.163
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.456.579.660.588	1.348.053.020.051
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.001.945.586	48.255.881.112
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	4.977.734.380	2.199.787.019
22	7. Chi phí tài chính	23	144.090.829	1.040.230.475
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		130.781	962.151.088
25	8. Chi phí bán hàng	24	12.257.871.350	9.282.052.523
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	35.563.055.871	30.895.512.071
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.985.338.084)	9.237.873.062
31	11. Thu nhập khác	26	3.876.836.454	2.228.507.771
32	12. Chi phí khác	27	104.941.056	556.317.625
40	13. Lợi nhuận khác		3.771.895.398	1.672.190.146
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		786.557.314	10.910.063.208
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	266.606.078	2.301.518.121
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		519.951.236	8.608.545.087
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	37	575

Đỗ Thị Quế Nga
 Người lập

Đặng Công An
 Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán



Hoàng Đức Hoà
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		786.557.314	10.910.063.208
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.263.932.030	6.477.031.350
03	- Các khoản dự phòng		188.377.971	(2.278.223.082)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(110.886.542)	(5.869.818)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.861.052.004)	(1.844.041.798)
06	- Chi phí lãi vay		130.781	962.151.088
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.267.059.550	14.221.110.948
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(44.685.506.273)	(61.430.438.486)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		15.977.612.993	90.305.674.441
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		27.513.021.383	47.812.006.415
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.449.566.154	(122.024.526)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(130.781)	(962.151.088)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.263.511.425)	(167.751.066)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.733.058.947)	(1.094.580.653)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		525.052.654	88.561.845.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	36.000.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.091.973.920	1.566.434.949
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.091.973.920	1.602.434.949
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.060.778.400	154.443.478.151
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.060.778.400)	(154.443.478.151)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(85.281.510.150)	(55.674.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(85.281.510.150)	(55.674.750)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(81.664.483.576)	90.108.606.184

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		122.727.069.626	32.612.653.924
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		8.959.528	5.809.518
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>41.071.545.578</u>	<u>122.727.069.626</u>

Đỗ Thị Quế Nga
Người lập

Đặng Công An
Phụ trách Phòng Tài chính Kế
toán



Hoàng Đức Hoa
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức. Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 12 năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305409326 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 07 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 03 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km9, đường Võ Nguyên Giáp, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 122.253.930.000 VND; trong đó có 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 257 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 259 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất sắt, thép, gang.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu thép và sản phẩm thép; nguyên nhiên liệu, thứ phế liệu kim loại cho sản xuất thép; các loại vật tư, thiết bị, phụ tùng cho sản xuất thép, xây dựng, giao thông, cơ khí, công nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh oxy, nitơ, argon dạng khí và lỏng; mua bán, lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất và sử dụng khí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh, khai thác cảng;
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng, kinh doanh cao ốc, văn phòng, nhà ở.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đang xin gia hạn tiếp tục thuê đất đến thời điểm hiện tại để có đủ thời gian lập và triển khai việc di dời nhà máy ra khỏi nội đô Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này. Những sự kiện này cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên:

- Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh thương mại để đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng ít nhất một năm kể từ ngày phát hành Báo cáo tài chính này. Công ty dự kiến sẽ đạt được mức lợi nhuận mong muốn và đảm bảo dòng tiền để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn trả.
- Ngày 20/12/2023, Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần đã ban hành Công văn số 1132/VNS-TCKT về cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn sẽ hoạt động bình thường trong thời gian tới. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Trong năm, thị trường trong nước gặp nhiều khó khăn do thị trường bất động sản trầm lắng, có sự cạnh tranh gay gắt của các nhà sản xuất trong nước cùng với hàng nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc, Indonesia... Tình hình giá cả nguyên vật liệu và thành phẩm thép xây dựng biến động lên xuống liên tục và không theo quy luật. Tác động từ việc tăng sản lượng, giá bán đã ảnh hưởng đến tổng doanh thu bán hàng tăng 104,4 tỷ VND tương ứng tăng 7,47% so với năm trước. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tăng 108,53 tỷ VND tương ứng tăng 8,05% so với năm trước. Tỷ lệ tăng giá vốn nhanh hơn tỷ lệ tăng doanh thu. Đồng thời các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại tăng tương ứng. Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên khiến cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay giảm 8,25 tỷ VND so với năm trước, tương ứng giảm 17,1%.

Cũng trong năm nay, do đơn giá chi phí thương hiệu, chi phí vận chuyển tăng mạnh gấp 1,6 lần so với năm trước khiến cho Chi phí bán hàng của Công ty tăng 2,98 tỷ VND tương ứng tăng 32,06%.

Các yếu tố nêu trên làm cho lợi nhuận trước thuế năm nay sụt giảm mạnh so với năm 2023.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí của dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng trong 12 tháng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí điện, nước, điện thoại, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là Chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn; Chi phí chiết khấu thanh toán; Lãi mua hàng trả chậm;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất sắt thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	188.262.427	245.528.026
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.883.283.151	2.981.541.600
Các khoản tương đương tiền (*)	25.000.000.000	119.500.000.000
	41.071.545.578	122.727.069.626

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 25.000.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 3,0%/năm - 4,0%/năm.

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	114.910.579.727	-	120.571.777.672	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	108.501.529.551	-	80.226.802.672	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL - Chi nhánh Nhơn Trạch	6.393.793.120	-	14.095.950.000	-
Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	-	-	26.249.025.000	-
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	15.257.056	-	-	-
Bên khác	49.231.290.451	(2.747.205.317)	2.752.495.786	(2.750.328.586)
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 (*)	2.747.205.317	(2.747.205.317)	2.750.328.586	(2.750.328.586)
Chip Mong Group Co.,Ltd	46.337.906.324	-	2.167.200	-
Các đối tượng khác	146.178.810	-	-	-
	164.141.870.178	(2.747.205.317)	123.324.273.458	(2.750.328.586)

(*) Đây là khoản phải thu khó đòi từ Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2 ("Công ty Lợi My 2") từ năm 2013 căn cứ theo Hợp đồng mua bán thép số 53/VKC-KHKD và các hóa đơn chứng từ có liên quan. Trong quá trình thu hồi công nợ, Công ty không nhận được bất kỳ phản hồi nào về việc sẽ được thanh toán khoản phải thu tồn đọng này và Công ty Lợi My 2 có dấu hiệu bỏ trốn.

Ngày 06/06/2018, Công ty đã gửi đơn kiện Công ty Lợi My 2 tới Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Ngày 05/11/2019, Công ty đã nhận được Bản án số 26/2019/KDTM-ST từ Tòa án nhân dân Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ quyết định Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nợ cho Công ty.

Chi cục thi hành án dân sự Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ ra Quyết định thi hành án số 1164/QĐ-CCTHADS ngày 04/03/2020 buộc Công ty Lợi My 2 phải trả số tiền nêu trên cho Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Lợi My 2 mới chỉ thanh toán 100.000.000 VND trong năm 2013 và 100.985.714 VND trong năm 2022. Trong năm, Công ty chưa nhận thêm được khoản thanh toán nào khác từ Công ty Lợi My 2.

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài nguyên và Môi trường	-	-	81.000.000	-
Các đối tượng khác	74.310.000	-	74.010.000	-
	74.310.000	-	155.010.000	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lãi tiền gửi	46.849.316	-	277.771.232	-
Phải thu về BHXH, BHYT, BHTN	267.523.074	-	-	-
Tạm ứng	58.193.518	-	111.602.916	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	227.822.748	-	913.421.110	-
	610.388.656	-	1.312.795.258	-
b) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	623.237	-	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	623.237	-	-	-
Bên khác	609.765.419	-	1.312.795.258	-
Bảo hiểm xã hội TP. Hồ Chí Minh	267.523.074	-	-	-
Các đối tượng khác	342.242.345	-	1.312.795.258	-
	610.388.656	-	1.312.795.258	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi My 2	2.747.205.317	-	2.750.328.586	-
	<u>2.747.205.317</u>	<u>-</u>	<u>2.750.328.586</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.787.494.858	-	50.174.054.308	-
Công cụ, dụng cụ	105.240.477	-	199.599.302	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	42.972.296.905	-	19.536.536.273	-
Thành phẩm	51.861.952.307	(550.889.367)	94.794.407.657	(359.388.127)
	<u>148.726.984.547</u>	<u>(550.889.367)</u>	<u>164.704.597.540</u>	<u>(359.388.127)</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	783.360.018	783.360.018
Dự án di dời và xây dựng Nhà máy Thép Thủ Đức (*)	783.360.018	783.360.018
Sửa chữa lớn tài sản cố định	344.469.174	-
Sửa chữa hội trường Công ty	254.992.311	-
Hạng mục khác	89.476.863	-
	<u>1.127.829.192</u>	<u>783.360.018</u>

(*) Đây là các chi phí tư vấn, thiết kế, viết báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định dự án di dời nhà máy Thép Thủ Đức ra khỏi nội đô thành phố Hồ Chí Minh. (Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33)

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	4.561.125.322	310.673.132.246
Số dư cuối năm	42.138.028.976	234.112.621.965	29.861.355.983	4.561.125.322	310.673.132.246
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.515.248.523	228.384.935.734	28.809.966.533	3.407.984.894	302.118.135.684
- Khấu hao trong năm	190.838.484	2.908.981.775	658.346.332	412.709.881	4.170.876.472
Số dư cuối năm	41.706.087.007	231.293.917.509	29.468.312.865	3.820.694.775	306.289.012.156
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	622.780.453	5.727.686.231	1.051.389.450	1.153.140.428	8.554.996.562
Tại ngày cuối năm	431.941.969	2.818.704.456	393.043.118	740.430.547	4.384.120.090

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 291.985.026.153 VND.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý: 122.113.393 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm quản lý với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 31/12/2024 cùng là 300.000.000 VND. Chi phí khấu hao đã ghi nhận trong năm là 93.055.558 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	988.520.906	3.066.361.799
Chi phí mua bảo hiểm	296.029.923	-
	1.284.550.829	3.066.361.799
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	437.375.642	-
Chi phí thay thế và sửa chữa thiết bị	362.400.000	1.812.000.000
	799.775.642	1.812.000.000

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	4.025.696.091	4.025.696.091	2.035.037.544	2.035.037.544
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	771.233.182	771.233.182	427.210.736	427.210.736
Công ty TNHH Nippovina	3.036.050.600	3.036.050.600	1.205.578.000	1.205.578.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	202.476.326	202.476.326	402.248.808	402.248.808
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	2.435.983	2.435.983	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	13.500.000	13.500.000	-	-

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	66.269.564.345	66.269.564.345	41.330.999.525	41.330.999.525
Công ty TNHH MTV Sắt thép Trung Hà	2.860.140.800	2.860.140.800	11.581.138.800	11.581.138.800
Công ty TNHH Ninh Vũ Tường	8.796.515.750	8.796.515.750	1.857.438.000	1.857.438.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Tiến Trường	17.494.500.100	17.494.500.100	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Phát triển Kim Ngân	8.852.133.400	8.852.133.400	2.541.536.800	2.541.536.800
Công ty TNHH Phế liệu Huy Hoàng Gia	7.294.118.700	7.294.118.700	-	-
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyễn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Phát triển Tam Phát	-	-	4.733.440.800	4.733.440.800
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	368.025.095	368.025.095	3.160.043.484	3.160.043.484
Các đối tượng khác	20.604.130.500	20.604.130.500	12.457.401.641	12.457.401.641
	70.295.260.436	70.295.260.436	43.366.037.069	43.366.037.069

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số được giảm trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.905.028.216	7.361.624.846	9.266.653.062	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	611.360.870	611.360.870	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.195.671.425	266.606.078	1.263.511.425	-	-	198.766.078
Thuế Thu nhập cá nhân	-	151.649.000	2.150.741.850	2.299.090.850	-	-	3.300.000
Thuế Tài nguyên	-	166.320	1.538.880	1.586.480	-	-	118.720
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	-	12.029.616.789	8.449.404.335	3.580.212.454	-	-
Các loại thuế khác	-	-	104.821.056	104.821.056	-	-	-
	-	3.252.514.961	22.526.310.369	21.996.428.078	3.580.212.454	-	202.184.798

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Công ty nộp tiền thuê đất theo Thông báo số 6090/TB-CTTPHCM ngày 04/04/2024 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước và Thông báo nộp tiền số 14025/TB-CCTTPTĐ ngày 16/04/2024 của Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí điện, nước, điện thoại	3.764.570.283	3.615.499.132
Nhập kho nguyên vật liệu chưa nhận được hóa đơn	543.585.000	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp trích trước	75.000.000	75.000.000
	4.383.155.283	3.690.499.132

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Kinh phí công đoàn	198.984.561	190.809.121
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	510.368.080	214.127.230
Phải trả về thuế TNCN của CBCNV	102.902.100	91.625.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	549.597.648	311.136.785
	<u>1.361.852.389</u>	<u>807.699.036</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	272.059
Các đối tượng khác	1.361.852.389	807.426.977
	<u>1.361.852.389</u>	<u>807.699.036</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.048.000.000	1.048.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<u>51.048.000.000</u>	<u>51.048.000.000</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	-	272.059
	<u>-</u>	<u>272.059</u>

(*) Theo thoả thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29 tháng 9 năm 2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO), hai bên thoả thuận xây dựng khu phức hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6,3 ha tại Km9, Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi hoàn tất thủ tục liên quan đến việc Công ty di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập một doanh nghiệp mới để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL: 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO): 74%

Vốn điều lệ ban đầu của doanh nghiệp mới là 30 tỷ VND, sẽ được lần lượt tăng lên 670 tỷ VND theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – VNSTEEL sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ ngày REFICO nhận được quyết định giao đất từ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án, REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ VND để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thoả thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ VND để đảm bảo thực hiện thoả thuận. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, nếu Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) không thực hiện thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận. Tương tự, nếu Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức VNSTEEL không thực hiện đúng thoả thuận sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận.

Ngày 09 tháng 07 năm 2019, REFICO gửi Công văn số 04/2019/CV-REFICO xác nhận hai bên sẽ tạm dừng hợp tác do quy định của Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến việc di dời các cơ sở không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị đã chấm dứt hiệu lực của thoả thuận. Đồng thời REFICO cũng xác nhận khi Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL hoàn trả số tiền cọc Công ty không cần thanh toán tiền phạt cũng như lãi suất phát sinh. Khi công ty chưa hoàn trả tiền cọc, REFICO sẽ được ưu tiên hợp tác với Công ty để hợp tác đầu tư và phát triển dự án bất động sản trên khu đất của Công ty hiện tại.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	124.413.489.548	291.127.860.501
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.608.545.087	8.608.545.087
Số dư cuối năm trước	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	133.022.034.635	299.736.405.588
Số dư đầu năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	133.022.034.635	299.736.405.588
Lãi trong năm nay	-	-	-	519.951.236	519.951.236
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(85.577.751.000)	(85.577.751.000)
Số dư cuối năm nay	122.253.930.000	17.708.334.281	26.752.106.672	45.964.234.871	212.678.605.824

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 178/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 04 năm 2024 và Thông báo số 1429/2024-TDS/VSCD-ĐK ngày 02/07/2024 của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chốt quyền nhận cổ tức tại ngày 28/06/2024, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận các năm trước như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2023	100,00	133.022.034.635
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,50	2.000.000.000
Chia trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 7.000 VND)	64,33	85.577.751.000
Lợi nhuận chưa phân phối	34,16	45.444.283.635

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Công ty Cổ phần Gemadept	6,94	8.490.000.000	10,90	13.321.950.000
Ông Lê Bá Phương	7,02	8.576.740.000	7,02	8.576.740.000
Các cổ đông khác	21,04	25.722.090.000	17,08	20.890.140.000
	100	122.253.930.000	100	122.253.930.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	122.253.930.000	122.253.930.000
- Vốn góp cuối năm	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	214.127.230	269.801.980
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	85.577.751.000	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	85.577.751.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(85.281.510.150)	(55.674.750)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(85.281.510.150)	(55.674.750)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	510.368.080	214.127.230

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	12.225.393	12.225.393
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.752.106.672	26.752.106.672
	<u>26.752.106.672</u>	<u>26.752.106.672</u>

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại đường Nguyễn Văn Bá, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm xưởng sản xuất thép, nhà kho và phòng làm việc; diện tích khu đất thuê là 67.045 m². Theo thông báo đóng tiền thuê đất, thời hạn thuê đất là ngắn hạn hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch và Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước. (Thông tin chi tiết xem thêm tại Thuyết minh số 33).

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
Đồng đô la Mỹ (USD)	359.818,77	8.706,66

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.477.722.434.048	1.368.909.082.613
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.810.543.769	29.219.641.812
	<u>1.502.532.977.817</u>	<u>1.398.128.724.425</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>1.291.879.307.716</u>	<u>1.337.715.011.072</u>

20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.502.496.643	1.819.823.262
Hàng bán bị trả lại	1.448.875.000	-
	<u>5.951.371.643</u>	<u>1.819.823.262</u>
Trong đó: Các khoản giảm trừ đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>5.951.371.643</u>	<u>1.819.823.262</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.436.898.816.298	1.324.134.978.408
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.489.343.050	24.156.967.661
Dự phòng/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	191.501.240	(238.926.018)
	<u>1.456.579.660.588</u>	<u>1.348.053.020.051</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<u>38.630.900.050</u>	<u>21.129.523.868</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.861.052.004	1.808.041.798
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	147.108.104	304.998.763
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.858.687.730	80.876.640
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	110.886.542	5.869.818
	4.977.734.380	2.199.787.019
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan	58.970.762	39.030.551
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	130.781	962.151.088
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	9.397.474	4.738.048
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	134.562.574	73.341.339
	144.090.829	1.040.230.475
Trong đó: Chi trả cho các bên liên quan	9.397.474	4.738.048
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.515.931.082	5.845.539.027
Chi phí khác bằng tiền	4.741.940.268	3.436.513.496
	12.257.871.350	9.282.052.523
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan	7.389.108.207	4.775.997.994
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>		

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.102.736.824	1.460.137.884
Chi phí nhân công	14.950.046.520	13.278.326.536
Chi phí khấu hao tài sản cố định	501.360.644	535.467.444
Hoàn nhập dự phòng	(3.123.269)	(2.039.297.064)
Thuế, phí và lệ phí	12.051.227.731	12.100.660.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.024.327.033	885.190.690
Chi phí khác bằng tiền	5.936.480.388	4.675.025.865
	35.563.055.871	30.895.512.071

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	36.000.000
Thu nhập từ tiền thuê đất được giảm (*)	3.580.212.454	2.192.507.771
Thu nhập khác	296.624.000	-
	3.876.836.454	2.228.507.771

(*) Theo Thông báo số 39/QĐ-CTTPHCM ngày 08/01/2024, Công ty được giảm tiền thuê đất năm 2023 theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản bị phạt	101.821.056	542.615.625
Chi phí khác	3.120.000	13.702.000
	104.941.056	556.317.625

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	786.557.314	10.910.063.208
Các khoản điều chỉnh tăng	318.167.407	674.615.625
- Chi phí không hợp lệ	186.159.619	542.615.625
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	7.788	-
- Thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	132.000.000	132.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(110.894.330)	(4.747.234.443)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(110.894.330)	(5.869.818)
- Chi trợ cấp thôi việc	-	(1.700.849.150)
- Chi phí lãi vay không được trừ năm trước	-	(3.040.515.475)
Thu nhập chịu thuế TNDN	993.830.391	6.837.444.390
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	198.766.078	1.367.488.878
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	67.840.000	934.029.243
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.195.671.425	(938.095.630)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.263.511.425)	(167.751.066)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	198.766.078	1.195.671.425

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	519.951.236	8.608.545.087
Các khoản điều chỉnh	(64.993.905)	(1.578.807.169)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(64.993.905)	(1.578.807.169)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	454.957.331	7.029.737.918
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.225.393	12.225.393
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	575

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 178/NQ-ĐHCĐ ngày 15/04/2024, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành theo tỷ lệ 12,5% Lợi nhuận sau thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.204.637.209.401	1.158.660.952.097
Chi phí nhân công	75.566.844.501	68.583.670.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.263.932.030	6.477.031.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	138.501.835.805	112.524.995.262
Chi phí khác bằng tiền	26.435.239.618	29.038.557.441
Chi phí dự phòng	-	(2.039.297.064)
	1.449.405.061.355	1.373.245.909.725

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.883.283.151	-	-	40.883.283.151
Phải thu khách hàng, phải thu khác	162.005.053.517	-	-	162.005.053.517
	202.888.336.668	-	-	202.888.336.668
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.481.541.600	-	-	122.481.541.600
Phải thu khách hàng, phải thu khác	121.886.740.130	-	-	121.886.740.130
	244.368.281.730	-	-	244.368.281.730

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	71.657.112.825	51.048.000.000	-	122.705.112.825
Chi phí phải trả	4.383.155.283	-	-	4.383.155.283
	76.040.268.108	51.048.000.000	-	127.088.268.108
Tại ngày 01/01/2024				
Phải trả người bán, phải trả khác	44.173.736.105	51.048.000.000	-	95.221.736.105
Chi phí phải trả	3.690.499.132	-	-	3.690.499.132
	47.864.235.237	51.048.000.000	-	98.912.235.237

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.060.778.400	154.443.478.151
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.060.778.400	154.443.478.151

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 13 tháng 09 năm 2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 4898/QĐ-UBND phê duyệt danh mục các cơ sở phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh - đợt 2, trong đó nêu rõ cơ sở sản xuất của công ty tại Km9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh sẽ phải hoàn thành di dời vào quý IV/2019.

Để chuẩn bị cho công tác di dời, Công ty đã lên kế hoạch di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè. Tổng chi phí di dời dự tính khoảng 960 tỷ VND và đã được Đại hội cổ đông Công ty phê duyệt chủ trương phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Ngày 19 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Văn bản số 288/UBND-KT chấp thuận cho Công ty được di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè.

Tuy nhiên, khi có ý kiến của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về việc dừng di dời dây chuyền luyện cán thép của Công ty và đánh giá về hiệu quả của việc di dời về Khu Công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Tổng Công ty Thép Việt Nam – Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") đã ban hành Quyết định số 580/VNS-HĐQT ngày 24/06/2019 về việc yêu cầu Công ty dừng việc thực hiện di dời nhà máy về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Để đảm bảo có thời gian xây dựng lại kế hoạch di dời theo chỉ đạo của Tổng Công ty, các bên đã:

- Công ty đã gửi Công văn số 551/VKC-KT ngày 15/07/2019 cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiến nghị tạo điều kiện cho Công ty gia hạn tiếp tục thuê đất tại vị trí hiện tại trong thời gian 02 đến 03 năm tiếp theo để có đủ thời gian lập và triển khai dự án.
- Công ty đã gửi Công văn số 591/VKC-KT ngày 31/07/2019 cho Tổng Công ty và Ban đầu tư của Tổng Công ty đề nghị Tổng Công ty có văn bản gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc dừng không thực hiện di dời về Khu công nghiệp Hiệp Phước 2 và cho Công ty có thời gian để triển khai kế hoạch di dời cũng như đảm bảo việc thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Tổng Công ty đã gửi Báo cáo số 748/BC-VNS ngày 12/09/2019 cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) và đề xuất SCIC có kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho phép Công ty được gia hạn ký hợp đồng thuê đất đến hết năm 2022 để có thời gian triển khai kế hoạch di dời nhà máy về địa điểm mới và đảm bảo công ăn việc làm cho gần 400 lao động.
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) có Công văn số 1869/ĐTKD – ĐT4 ngày 12/09/2019 về việc đề nghị gia hạn hợp đồng thuê đất cho Công ty gửi Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 773/VKC-KT ngày 11/11/2019 cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân, Sở Tài Nguyên và Môi trường sớm phê duyệt cho Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê đất gia hạn đến hết năm 2022. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được công văn chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty gửi Công văn số 594/CV-VKC ngày 24/08/2022 cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cam kết sẽ di dời khi nhận được Công văn xác định cụ thể thời điểm di dời của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Công văn số 1132/VNS-TCKT ngày 20/12/2023 của Tổng Công ty Thép – CTCP về việc cam kết hỗ trợ tài chính và hỗ trợ hoạt động cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức tiếp tục hoạt động trong vòng ít nhất 01 năm từ ngày Báo cáo tài chính năm 2023 (đã được kiểm toán) phát hành, Tổng Công ty vẫn đang theo sát và sẽ có những chỉ đạo cần thiết cho hoạt động SXKD của Công ty trong các năm tới.

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh có Công văn số 095/CN1-KHDNL ngày 19/01/2022 về việc xem xét tài trợ tín dụng cho Công ty thực hiện dự án đầu tư với số tiền tài trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư của dự án (dự kiến số tài trợ là 511 tỷ VND).

Hiện tại, Công ty đang nghiên cứu xem xét địa điểm để di dời nhà máy.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí Hà Nội	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tôn mạ VNSTEEL Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải ô tô Vina Vinatrans	Công ty con của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Tôn Phương Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Gia công và Dịch vụ Thép Sài Gòn	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Ống thép Việt Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Cơ khí Việt Nhật	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Nasteelvina	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Trung tâm Thương mại Quốc tế IBC	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất Thép Vinausteel	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Khoáng sản Luyện kim Việt Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần RedstarCera	Công ty liên kết của Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Agility	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Nissin Logistics	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết của Tập đoàn
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	Công ty liên kết của Tập đoàn

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.291.879.307.716	1.337.715.011.072
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	12.850.749.000	-
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	185.084.251.895	115.080.016.834
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	220.977.568	102.294.078
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	876.091.059.253	1.123.059.167.468
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	-	1.080.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	-	27.204.692
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	138.482.194.000	99.445.248.000
Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	79.150.076.000	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.951.371.643	1.819.823.262
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.502.496.643	1.819.823.262
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	1.448.875.000	-
Mua hàng hóa, vật tư, dịch vụ	38.630.900.050	21.129.523.868
Công ty Cổ phần Kim khí TP Hồ Chí Minh	12.471.627.458	497.114.346
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	5.388.348	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	950.311.400	546.921.040
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	50.215.594	64.779.982
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	700.880.000	322.240.000
Công ty TNHH Nippovina	24.452.477.250	19.698.468.500
Doanh thu hoạt động tài chính	58.970.762	39.030.551
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	42.312.526	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	16.658.236	39.030.551
Chi phí tài chính	9.397.474	4.738.048
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	9.397.474	4.738.048
Chi phí bán hàng	7.389.108.207	4.775.997.994
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	41.049.855	-
Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL	83.982.228	44.537.680
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	2.320.076.105	1.294.946.820
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	4.944.000.019	3.436.513.494


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	4.641.245.000	4.022.460.000
Ông Dương Minh Chính Chủ tịch HĐQT	725.680.000	671.515.000
Ông Lê Bá Phương Thành viên HĐQT	58.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Mai Khanh Thành viên HĐQT	58.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Đức Hoa Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	346.100.000	-
(Bổ nhiệm từ 15/04/2024)		
Ông Nguyễn Xuân Tiến Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	392.700.000	651.200.000
(Miễn nhiệm từ 15/04/2024)		
Ông Cao Anh Kiệt Thành viên HĐQT	560.020.000	519.860.000
Ông Vũ Xuân Trường Phó Tổng Giám đốc	592.220.000	455.336.000
(Bổ nhiệm từ 01/08/2023)		
Ông Hoàng Công Thành Phó Tổng Giám đốc	563.420.000	519.860.000
Ông Đặng Công An Phụ trách Phòng Tài chính Kế toán	105.435.000	-
(Bổ nhiệm từ 16/09/2024)		
Bà Đỗ Thị Long Châu Kế toán trưởng	453.720.000	487.045.000
(Miễn nhiệm từ 16/09/2024)		
Bà Đoàn Hồng Hà Trưởng ban kiểm soát	392.460.000	291.537.000
Ông Nguyễn Quốc Cường Thành viên BKS	354.490.000	294.107.000
Ông Trần Minh Hạnh Thành viên BKS	39.000.000	36.000.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Đỗ Thị Quế Nga
Người lập


Đặng Công An
Phụ trách Phòng Tài chính Kế
toán


Hoàng Đức Hoa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

